

THÀNH-KINH BẢO



QUYỀN-PHÉP SỐNG LẠI ĐỒI KHỐC RA CƯỜI

HỒI đờn-bà kia, sao người khóc?» (Gi. 20 : 13). Đó là lời phán được chép trước-tiên của Chúa Jêsus trong ngày lễ Phục-sanh thứ nhứt, sau khi Ngài đã chịu thảm-hình trên cây thập-tự để cứu-chuộc loài người hư-mất. Ngày nay Ngài cũng hỏi rằng : «Hỡi thế-gian buồn-thảm, sao người rên-siết dưới gánh nặng tội-lỗi và những kết-quả kinh-khiếp của nó? Sao mọi người và mọi nước không tin-cậy nhau? Sao có mấy mươi triệu người đau-đớn, âu-sầu vì thất-nghiệp? Sao có tiếng đồn và việc dự-bị về cuộc chiến-tranh ghê-gớm hơn hết? Sao mọi người và mọi nước đều ngã lòng và sợ cuộc tương-lai?» Nếu thế-gian để ý đến câu hỏi ấy, nếu thế-gian bắt-chước bà Ma-ri Ma-đơ-len thuở xưa mà nghe tiếng thương-xót của Đức Chúa Jêsus, là Đấng đã tha mọi tội cho bà ấy, nếu thế-gian ăn-năn và nhận Ngài làm Cứu-Chúa, làm Vua, thì tình-hình sẽ thay-đổi lạ-lùng biết mấy : Mọi người và mọi nước sẽ thở-hút không-khí công-bình và hòa-bình, sẽ hái được đóa hoa hi-vọng, yêu-thương và vui-vẻ. Ôi, ước chi chúng ta, là những kẻ «được biết Ngài, và quyền-phép sự sống lại của Ngài» (Phil. 3 : 10), kíp dùng mọi phương-pháp, như cầu-nguyện, dâng tiền và hầu việc để làm chứng về Đấng sống lại cho muôn-vạn người cũng được biết, như vậy thì giọng than-khóc buồn-thảm của thế-gian sẽ đổi ra tiếng ca-hát vui-vẻ văng ra từ tấm lòng toàn-thắng đầy-dẫy hi-vọng đã gởi vào Đấng phán rằng : «Ta là sự sống lại và sự sống» (Gi. 11 : 25).



Quyền-phép sống lại thắng được hoạn-nạn đời nay

NGÀY nay Đức Chúa Jêsus cũng hỏi môn-đồ và Hội-thánh Ngài rằng : «Sao người khóc?» Quả thật, bây giờ quỷ Sa-tan đang mở-mang quyền-phép và bờ-cõi của nó một cách mau-chóng và rộng-rãi hơn mọi khi. Các giáo-sư giả và lễ đạo lạc kéo vô-số tín-đồ yếu-đuối lia-xa Đức Chúa Trời. Tình-cảnh eo-hẹp do nạn kinh-lễ khủng-hoảng cũng cảm-đổ biết bao tín-đồ thôi nộp phần mười, hoặc thôi dâng tiền rộng-rãi cho Chúa! Tình-cảnh ấy lại gây cho nhiều tội-tờ Đức Chúa Trời lo-lắng về phần vật-chất tạm-thời hơn là về phần thiêng-liêng còn mãi. Trong nhiều nước, và nhứt là nước Đức, luồng sóng yêu nước cách ngông-cuồng đã gây nên sự phân-biệt nòi-giống và tín-nhận những lễ đạo thật trái với Lời Đức Chúa Trời. Nhiều nhà-thờ bên Đức có dấu chữ «Vạn.»

Còn ở nước Mỹ thì bên cạnh dấu-hiệu thập-tự-giá của Đảng Christ lại có kèm thêm dấu-hiệu bằng con chim ưng màu lam. Bên nước Nga, những kẻ ghét đạo đã bỏ tù, đem đày và giết chết hàng trăm, hàng ngàn môn-đồ thật của Chúa. Hỡi anh em yêu-dấu, đương khi xem-xét những dấu-hiệu «trong ngày sau-rốt» (II Ti 3 : 1), chúng ta hãy nghe tiếng phán êm-dịu của Chúa sống lại và sống đời đời : «Các người sẽ có sự hoạn-nạn trong thế-gian, nhưng hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế-gian rồi!» (Gi. 16 : 33). Ôi! Nguyên chúng ta được «quyền-phép sự sống lại của Ngài,» ngõ hầu chúng ta có thể làm trọn mạng-linh này của Ngài : «Khá giữ trung-tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người mũ triều-thiên của sự sống» (Khải 2 : 10)! ♦ ♦ ♦

Quyền-phép sống lại thắng được sự chết

TRONG thời-kỳ nghiêm-trọng này, chúng ta càng lâu càng thấy rõ rằng mọi sự ở đời thật không chắc-chắn. Nhưng chẳng có gì mau qua bằng sự sống của loài người : đó là cảm-tưởng của chúng ta khi nghĩ đến sự chết thê-thảm của vua *Albert 1^{er}*, nước Bỉ, xảy ra được ít bữa nay. «Cọp chết dễ da, người ta chết dễ tiếng,» đối với một vua trứ-danh, cao-thượng và anh-hùng đương ấy, chúng ta không thể không hiệp cùng mọi người ở khắp thế-giới mà tỏ lời chia buồn với nước Bỉ trong dịp đau-đớn này. Số là, nhằm buổi trưa nọ, một mình vua nước Bỉ lẳng-lặng dạo chơi non-núi để ngắm cảnh đẹp-dẽ đáng yêu, thì này, vua chẳng chút ngờ rằng thành-linh mình phải đến ứng-hầu trước mặt Đấng dựng nên mình! Lời của tiên-tri A-mốt thật đúng với đời vua : «Người khá sửa-soạn mà gặp Đức Chúa Trời người» (A-mốt 4 : 12). Hỡi các bạn độc-giả yêu-dấu, các bạn đã tin Đức Chúa Jê-sus-Christ để được cứu-rỗi chưa? Hỡi anh em tín-đồ, anh em có nhờ quyền khiến Chúa Jê-sus sống lại để anh em ăn-ở xứng-đáng với đạo Tin-lành và làm chứng về Ngài, đến nỗi nếu thành-linh phải gặp Đức Chúa Trời, thì anh em khỏi bị hổ-thẹn, chẳng?

Quyền-phép sống lại là hi-vọng của tín-đồ

MỚI đây chánh-phủ Nga đã đem về từ nước Anh bộ hài-cốt của *Karl Marx*. Hài-cốt của nhà xã-hội-học ấy sẽ được dân Nga sùng-bái như thi-thể của *Lénine*, là người giải rõ và thực-hành lý-thuyết của *Karl Marx*. Thi-thể của *Lénine* chôn đứng và được giữ-gìn cẩn-thận trong vườn công của thành *Moscou*. Ngợi-khen Đức Chúa Trời! Chúng ta là môn-đồ Đảng Christ, nên chẳng cần quí gỏi trước mồ-mả hoặc hài-cốt nào, chẳng cần thờ-lạy những vật hay chết và hư-nát. A-lê-lu-gia! Nhắm lễ Phục-sanh thứ nhứt, Đức Chúa Trời bày-tỏ sự khôn-ngoan và quyền-phép rất mực bởi để mồ-mả trống-không. Mồ-mả chẳng cầm-giữ nổi Chúa Jê-sus, là Cứu-Chúa chúng ta. Ngài sống lại, và hiện nay ngồi bên hữu Đức Chúa Trời để cầu thay cho dân Ngài. Đức Chúa Jê-sus là trái đầu mùa của những kẻ sống lại. Hỡi độc-giả yêu-quí, lúc Chúa thành-linh tái-lâm, có chẳng anh em được phục-lạ như có chép trong I Tê 4: 16, 17 — «Sẽ có tiếng kêu lớn và thiên-sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa Trời giáng xuống: bấy giờ những kẻ chết trong Đảng Christ sẽ sống lại...». Kế đến chúng ta là kẻ sống, mà còn ở lại, sẽ cùng nhau đều được cất lên với những người ấy... mà gặp Chúa, như vậy chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn»?—*T. K. B.*



SỰ SỐNG LẠI THẬT-HỮU

ÔNG HUỖNH-MINH-Ý, SÀI-GÒN, NAM-KỲ

«Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, Ngài là trái đầu mùa của những kẻ chết» (I Cô 15 : 20—Theo quyền Tàn-ước rồi)

ĐẠO nào cũng như đạo nầy, chỉ dạy làm lành, lánh dữ vậy thôi.»—(Ai nói vậy, nầy chưa suy-nghĩ đến lẽ thật của đạo Tin-lành.)—Lời ấy thường nghe nói và cũng đúng; vì các đạo trong thế-gian giống nhau ở sự khuyên gắng làm lành. Đạo Tin-lành thì khác, bởi có nhiều lẽ lạ hơn. Nay ta thử xét hai lẽ: **Chết để đến tội, sống lại đặng xưng công-bình.**

Mọi người đều đã phạm tội... Tiền công của tội-lỗi là sự chết. Loài người không phương thoát nạn, chẳng kể cứu mình. Đức Chúa Trời yêu-thương thế-gian, đến nỗi đã sai Con một của Ngài, là Đức Chúa Jê-sus, chịu chết để đền tội muôn dân, hầu cho bởi đức-tin mà loài người được cứu, chớ chẳng phải bởi nhờ công-đức riêng, hoặc giữ ngày Sa-bát, hay kiêng các thức ăn. Như vậy, chết để đền tội là cái nền của đạo cứu-rỗi, sống lại đặng xưng công-bình là cái cột-trụ để xây-cát nhà.

Nếu Đức Chúa Jê-sus đã chết mà không sống lại, thì sự chết của Ngài cũng chưa ứng-dụng trọn-vẹn trong sự cứu-rỗi, Ngài chẳng qua cũng giống như các giáo-chủ của các đạo khác vậy thôi, và chắc đạo Ngài cũng ở trong câu: «Đạo nào cũng vậy» trên đó. Song

mà Ngài đã chết vì tội chúng ta theo lời Kinh-thánh. Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại theo lời Kinh-thánh. Sự chết đã trải qua trên hết mọi người, vì mọi người đều đã phạm tội, song không trải qua trên Đức Chúa Jê-sus, vì Ngài là Đấng công-bình, thánh-sạch. Nếu thật Đức Chúa Jê-sus đã không sống lại, thì sự giảng-dạy của đạo Tin-lành hóa ra luống công và đức-tin anh em cũng vô-ích. Như vậy, sự chết và sự sống lại của Ngài quả hẳn là cái nền-tảng và cột-trụ của đạo cứu-rỗi. Ai không tin hai lẽ đó, nầy chẳng hề được cứu-rỗi đâu.



ÔNG HUỖNH-MINH-Ý

Đức Chúa Jê-sus thật đã sống lại.—Đức Chúa Jê-sus đã sống lại là một sự thật, vì có nhiều bằng-cớ rõ-ràng, chẳng phải mộng-ảo, mơ-màng, sai-ngoa, huyền-hoặc. Nhưng, tiếc thay, đối với lẽ đạo hệ-trọng nầy, có lắm kẻ còn để mình trong hà-gi vọng-tin! Họ nói: «Đạo giảng sự sống lại, chớ biết đâu mà đáng đem lòng tin lấy, vì có nhiều điều trong bốn sách và các thư-tin của Thánh Phi-e-rơ. Người ta chết, xác-thịt đem chôn, thì còn tại mồ-mả; nếu

đem thiêu, thì cũng vẫn còn nằm tro tàn. Đức Chúa Jê-sus chết, xác Ngài bị chôn chỉ ba ngày, rồi Ngài sống lại. Nhiều nhà du-lịch đi đến Giê-ru-sa-lem, cũng chỉ thấy huyết-mả trống-không, y như lời thiên-sứ đã nói: «Đức Chúa Jê-sus không ở đây đâu, Ngài đã sống lại rồi, như lời Ngài đã phán.»

Có người muốn đánh đổ lẽ đạo này, nên bịa-dặt rằng xác Chúa đã bị môn-đồ Ngài ăn-cấp và đem đi giấu trong nơi khác, chớ đã chết rồi, còn sống lại làm sao? Điều này không có lý, vì sau khi chôn xác Chúa, họ đã niêm-phong, đóng ấn mồ-mả của Ngài, và cất nhiều người lính canh-gác nghiêm-nhặt. Trái lại, Ngài thật đã sống và đã hiện ra nhiều lần cho hơn năm trăm môn-đồ xem thấy, và cứ ở lại trên đất đến bốn mươi ngày, phán-dạy tổ-tướng cách-thể truyền ơn cứu-rỗi.

Khi thấy Đức Chúa Jê-sus đã chết và bị đem chôn, Sứ-đồ Thô-ma tưởng rằng trong Ngài không còn quyền-năng gì nữa. Bấy giờ ông đã bàng-lãng bơ-lơ, ít hay nhóm-họp với các môn-đồ. Khi Chúa hiện đến lần thứ nhứt, ông vắng mặt. Sau môn-đồ nói lại rằng họ đã thật thấy Ngài. Nhưng, bởi tánh đa-nghi, lòng vô-tin, ông nói rằng: «Nếu ta không thấy dấu đinh trong bàn tay Ngài, nếu ta không đặt ngón tay vào chỗ dấu đinh, và nếu ta không đặt bàn tay nơi sườn Ngài, thì ta không tin.» Ngày thứ nhứt tuần sau đó, lần này có Thô-ma đương nhóm-họp, khi cửa đương đóng, Đức Chúa Jê-sus đến, đứng chính giữa môn-đồ và phán rằng: «Bình-an cho các người!» Đoạn, Ngài phán cùng Thô-ma rằng: «Hãy đặt ngón tay ngươi vào đây, và xem bàn tay ta, cũng hãy giơ bàn tay ngươi ra và đặt vào sườn ta. Chớ cứng lòng, song hãy tin.» Thô-ma tin và thưa rằng: «Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi.»

Sứ-đồ Phi-e-rơ, khi vừa thấy Chúa mình bị bắt, lòng sợ, dạ lo, vội chỗi-bỏ Ngài, trở về làm nghề chài-lưới như cũ. Khi Chúa sống lại, hiện đến cùng

ông, tức-thì ông được đổi mới và nói rằng: «Ngợi-khen Đức Chúa Trời, là Cha Đức Chúa Jê-sus-Christ chúng ta, Ngài lấy lòng thương-xót cả-thể khiến chúng ta lại sanh, dựng chúng ta nhờ sự Đức Chúa Jê-sus-Christ sống lại từ trong kẻ chết mà có sự trồng-cây sống.» Từ đó, ông hết sợ-hãi, chẳng biết thẹn-thường, quên tánh nhút-nhát, mà rất bạo-dạn giảng đạo Tin-lành. Không ghê sợ chết, chẳng sợ lao-tù, ông cố làm xong nhiệm-vụ.

Suy cặn, nghĩ cùng các lý-cớ chắc-thật trên đây, thì ta bắt phải quả-quyết công-nhận rằng Đức Chúa Jê-sus đã sống lại.

Các môn-đồ chết rồi chắc sẽ sống lại.—Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại. Ngài là trái đầu mùa của những kẻ chết. Trồng cây, chờ ngày ăn trái, là lẽ tự-nhiên. Cây trồng đã lớn, cành-lá sum-sê, đến đầu mùa vừa sanh một trái, chắc-chắn rồi nó sẽ cứ sanh thêm. «Chúng ta tin Đức Chúa Jê-sus đã chết và sống lại, thì cũng vậy, Đức Chúa Trời cũng đem những kẻ ngủ trong Đức Chúa Jê-sus cùng đến với Ngài.» Vậy, nếu những kẻ chết không sống lại, thì Đấng Christ cũng đã chẳng sống lại nữa.

Có người nói: «Kẻ đã chết mà sống lại là việc phi-thường, không thể tin được. Ví như xác thiêu ra tro, xác chết trong rừng, dưới biển, bị thú nuốt, cá ăn, chia ra manh-mún. Như vậy sẽ lấy xác nào mà sống lại được?» Kinh-thánh đáp: «Biển đem trả những người chết mình chứa; sự chết và âm-phủ cũng đem trả những người chết mình có...» Người chết, xác được chôn-cất hoàn-toàn, lâu ngày chầy tháng cũng sẽ trở nên tro-bụi, chẳng khác chi những kẻ đã bị thịt nát xương tan ở trên rừng hoặc dưới biển, như trên kia vừa nói đó. Song cả thấy, nếu là tín-đồ Chúa, đợi kỳ Ngài đến, thì đều sẽ được sống lại trước hết. Lạ-lùng thay, ai tin nời?

Sánh lẽ này với lẽ Chúa «bèn lấy

bụi đất nắn nên hình người, hà sanh-khí vào lỗ mũi, thì người trở nên một loài sanh-linh,» lẽ nào là mẫu-nhiệm hơn? Chưa có mà làm ra có, thì mới là khó, chớ có rồi mà hư, thì sửa lại có khó đâu? Từ Nam chí Bắc, cả ba Kỳ, có xưởng nào chế-tạo được máy xe-hơi (*auto*), máy đồng-hồ chẳng? Không có nhà chế-tạo, song có nhiều người biết sửa. Không việc gì Đức Chúa Trời làm không được, chẳng chi khó cho Ngài. Muốn có vàng thì thiệt khó; nhưng khi có rồi, dầu vụn từng mảnh, người thợ chuyên-môn cũng có thể làm thành đồ nữ-trang rất khéo. Đức Chúa Jêsus là sự sống lại và là sự sống. Ai tin Ngài, nấy cũng sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Như vậy, chắc tin-đồ Chúa đều sẽ sống lại và đồng hưởng phước đời đời với Ngài. Như trong A-đam, mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ, mọi người đều sẽ sống lại.

Vậy, hỡi anh em yêu-dấu, là những người có sự trông-cậy sống, hãy vững-vàng, chớ rung-động, hãy làm công-việc Chúa cách dư-dật luôn, vì biết rằng công-khó của anh em đối với Chúa chẳng phải là vô-ích đâu.

Kẻ vô-tin chắc sẽ có sống lại.— Nhiều người nói: Kẻ có tội, sau khi chết, linh-hồn họ phải chịu khổ-hình nơi địa-ngục, như bị ngồi bàn chông, bị đóng gông, bị cắt, bị cưa, bị nấu trong vạc dầu, vùn vùn... Thử hỏi: Bàn chông có làm cho gió biết đau không? Gió mang gông được không? Có thể nào cắt gió, cưa gió, hoặc nấu gió không? Linh-hồn thiêng-liêng như gió, thể nào hình-phạt vậy được? Ấy chẳng qua

là sự bịa-đặt của các đạo dị-đoan.

Chớ lẽ đạo thật nói rằng: Sau khi chết, linh-hồn những kẻ vô-tin liền chịu giam-cầm trong một chỗ không có Đức Chúa Trời (gọi là âm-phủ), tại đó tâm-thần họ tự cảm-biết rằng đương bị sầu-khổ quá đỗi (Lu-ca 16: 19-31), đang chờ-đợi ngày sống lại. «Người công-bình, người không công-bình đều sẽ có sự sống lại.» «Ai đã làm lành thì sống lại để được sống (đây là tin-đồ đã nói ở trên), ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét-đoán.» Như thế mới nhằm phép, phải lẽ chớ! Có lý nào cả linh-hồn và xác-thịt hiệp lại mới làm tội được, mà chỉ hình-phạt một mình linh-hồn thôi? Không lẽ có hai người đi ăn-cướp, chỉ phạt một người mà gọi là đủ.

Hỡi quý độc-giả! Mỗi người chết, thật sẽ có sự sống lại; song người vô-tin sống lại sau tin-đồ một ngàn năm để lãnh án thẩm-hình, rồi đi vào nơi hồ lửa vục sâu, và ở đó đời đời kiếp kiếp mãi mãi không thôi...

Hiện nay, ta còn dịp-tiện lựa-chọn một trong hai sự sống trên đây. Nếu muốn dự vào sự sống trước để được nhận-lãnh sự vinh-hiễn và phước-hạnh, là cơ-nghiệp không hư đi, không ô-uế, không suy-tàn, thì khá kíp tin theo Đức Chúa Jêsus, là Đấng đã chết để đền tội cho ta và đã sống lại để cho ta được xưng công-bình.

Đức Chúa Jêsus phán rằng: «Đây là ý-muốn Cha ta, phạm ai nhìn Con và tin Con, thì được sự sống đời đời, còn ta, ta sẽ làm cho kẻ ấy sống lại trong ngày sau-rốt.» Phước thay cho những ai được ơn lớn ấy!

VỎ ỐC DẠY GÌ?

BỒI xem-xét cái vỏ ốc nhỏ kia có nhiều màu-sắc đẹp-để biết bao, tôi được dạy-dỗ rằng: Dẫu xây nhà cho loài thợ-tạo hèn-hạ hơn hết ở nơi đáy biển, Đức Chúa Trời cũng làm việc dường như nhà nhỏ-hẹp ấy đáng được cả vũ-trụ xem-xét, và nhà ấy cũng đủ

bày-tỏ hết mọi sự trợn-lãnh của Ngài.

Nhưng tin-đồ ít suy-nghĩ đến những nhà mà Đấng Christ đương sắm-sẵn cho mình ở trên trời. Nguyên tôi nhớ rằng công-việc hèn-hạ và kín-nhiệm hơn hết của tôi cũng sẽ được đem ra nơi sáng-láng để cho cả vũ-trụ xem-xét!

THỬ GỖ MỖI NGỒ

TRƯỚC KHI SỐNG LẠI, KẺ CHẾT CÓ BIẾT GÌ KHÔNG?

KHÔNG!» Đó là tiếng trả lời của những người hiền sai Kinh-thánh, vì họ nương theo một câu trong Cựu-uớc: «Kẻ chết chẳng biết chi hết» (Truyền 9: 5). Song tôi mong anh em nhận-biết rằng khúc sách tiếp trên nối dưới với câu ấy chỉ-tỏ rõ-ràng tác-giả nói về đời này, chớ không nói về đời sau. Chắc người chết không có tình-cảm, như hồn-ghét, tham-muốn và kiêu-căng, là những thứ tình-cảm vẫn xô-dẩy người sống (xem Truyền 9: 1-6). Nhưng khúc Kinh-thánh này há có nghĩa là người chết không biết chút chi về đời sau? Người nào lập một lễ đạo trên một câu Kinh-thánh rút riêng ra, thì người ấy thật là táo-bạo. Người nào nói rằng khúc sách Truyền-đạo 9: 1-6 này có nghĩa là kẻ chết không có sự hay-biết, thì người ấy lại càng táo-bạo hơn, vì khúc này chẳng quan-hệ đến đời sau chút nào hết.

Về câu hỏi dùng làm đề-mục trên kia, tôi xin đáp rằng: «Có.» Đây, bằng-cớ dẫn ra như dưới này:

Gióp là một người chép sách trong Kinh-thánh trước nhứt; ông chẳng biết chi về sự sống lại, nhưng cũng nói: «Tôi biết rằng Đấng cứu-chuộc tôi vẫn sống... Sau khi da tôi, tức xác-thịt này, đã bị tan-nát, bấy giờ ngoài xác-thịt, tôi sẽ xem thấy Đức Chúa Trời; chính tôi sẽ thấy Ngài, mắt tôi sẽ nhìn-xem Ngài, chớ chẳng phải kẻ khác» (Gióp 19: 25-27). Như vậy, còn gì rõ hơn mấy lời đó nữa?

Ông Môi-se là người đã được chính Đức Chúa Trời chôn; thế mà môn-đồ lại thấy ông đứng bên cạnh Chúa, ở trên núi Hóa-hình (Mác 9: 2-5).

Cũng nên kể đến ông Ê-tiên. Trong

giờ chết, ông thấy «Đức Chúa Jêsus đứng bên hữu Đức Chúa Trời» (Sứ 7: 54-60). Đức Chúa Jêsus sẵn-sàng tiếp-rước ông. Như vậy, ông có mất sự hay-biết đâu!

Lại có Phao-lô quả-quyết rằng, đối với con-cái Đức Chúa Trời, sự chết «là đều rất tốt hơn» (Phil. 1: 21-23). Nếu anh em được chọn, thì anh em sẽ chọn lấy đều nào trong hai đều này: mất sự hay-biết suốt mấy ngàn năm, và lập-tức được vui-mừng trước mặt Cứu-Chúa? Tôi biết anh em sẽ trả lời ra thế nào rồi.

Nếu ai chưa tin chắc rằng, sau khi thân-thể chết và trước khi thân-thể sống lại, linh-hồn vẫn có sự hay-biết, thì xin người ấy hãy nhớ đến «những linh-hồn của kẻ đã chịu giết vì đạo Đức Chúa Trời» (Khải 6: 9). Lúc này tín-đồ đã chết vẫn chưa sống lại, là rõ-ràng lắm; vậy mà những linh-hồn ấy kêu lớn rằng: «Lạy Chúa,... cho đến chừng nào?» (Khải 6: 10).

Sau hết tôi xin nhắc đến truyện Laxa-rơ và người giàu xấu nết (xem Lu 16: 19-31). Có người sẽ nói với tôi rằng: «Đó là một thí-dụ.» Thật thế, nhưng mỗi thí-dụ của Cứu-Chúa đều chỉ về các sự thực. Người giàu xấu nết kia hay-biết địa-vị ghê-gớm của mình một cách rõ-rệt. Lúc bấy giờ người giàu đó dầu không có thân-thể, nhưng người xem thấy, khát nước và biết đau-dớn. Người nào đã được cứu-chuộc, thì khi qua đời, lập-tức được vui-mừng trước mặt Đấng Christ. Còn người nào không chịu ăn-năn, cứ đi đường tội-lỗi tối-tăm, thì khi qua đời, liền thấy địa-ngục kinh-khiếp.—
J. Hunter, Thụy-sĩ.



NÊN CHỊU RÀNG-BUỘC BẰNG THỨ DÂY GÌ ?

(Tiếp theo số 37)

Năng-lực thiêng-liêng ràng-buộc

CHỈ có một năng-lực ràng-buộc người ta đến cực-điểm. Ta có thể tin rằng năng-lực ấy không hề thiếu-sút. Thói quen dầu đã đâm rễ vững-vàng, nhưng cũng không hề thúc-giục Sứ-đồ Phao-lô hi-sinh hết thảy: lắm phen phải lạnh, phải đói-khát, phải nhịn ăn, phải lỏa-lồ, phải nguy trên sông bến (xem II Cô 11:26-27). Cũng chẳng có năng-lực khác đã thúc-giục ông *Livingstone* ra đi và chịu bảy mươi lần sốt-rét rừng, đến nỗi một thân vò-vỡ, nhắm mắt buông tay ở miền đồng lầy xứ *Congo*. Kìa, các quyền-lực của thời-đại ông *Luther* rần-rộ xông-hăm ông khác nào bấy muông-sói, vì ông đã đóng đinh bản án-văn vào cửa nhà-thờ *Wittenberg* và đã nói rằng: «Tôi đứng đây. Nguyên Đức Chúa Trời giúp-đỡ tôi! Tôi không thể làm việc chi khác.» Trách-nhiệm chẳng phải là có-tích thúc-giục ông kêu-la như thế. Cũng chẳng phải trách-nhiệm nấy trên vai hai Sứ-đồ Phi-e-rơ và Giăng, là người nhà-quê mộc-mạc, ngu-dốt, đã làm cho họ không sợ tòa Công-luận, là tòa về sau ném đá chết ông Ê-tiên.

Sự tự-trọng có thể ràng-buộc, nhưng không đủ sức ràng-buộc ông *Melvin Cox*, là nhà truyền-giáo ở xứ *Libéria*, bên Phi-châu. Ông mắc chứng sốt-rét đến nỗi chỉ còn da bọc xương và đau gần chết, nhưng linh-hồn ông vẫn vững-vàng, và ông kêu-la rằng: «Tôi nóng lòng ước-ao sống cách sung-sướng ở bên Mỹ, nhưng không dám đi về.» Có một năng-lực trời hơn trách-nhiệm đã thúc-giục ông *Jérôme de*

Prague hát trong lúc lửa thiêu chơn tay và mạng sống mình: «Lạy Đấng Christ yêu-quí, tôi xin dâng Ngài mảnh hồn đương bị lửa thiêu này!» Tình yêu-thương của Đấng Christ và tình yêu-thương đối với Đấng Christ đã bắt-buộc những bậc anh-hùng ấy vui lòng chịu khổ và làm việc vì duyên-cớ quý-báu của Ngài.

Ràng-buộc bởi tình yêu đối với loài người

Hằng ngày, ngó chung-quanh mình, chúng ta thấy sức ràng-buộc của tình yêu-thương như-loại: nào những người làm mẹ quên trọn thân mình; nào những người làm cha hi-sinh công-việc và tài-sản vì có con-cái; nào những người chị dậy sớm thức khuya mà làm việc để giúp em mình có thể theo-đuổi một sự-nghiệp hữu-ích; nào con-cái từ-bỏ mối hi-vọng gây được chức-nghiệp vẻ-vang để ở nhà phụng-dưỡng cha mẹ. «Tình yêu-thương hay nhịn-nhục; tình yêu-thương hay nhịn-từ... Tình yêu-thương hay dung-thứ mọi sự, tin mọi sự, trông-cậy mọi sự, nín-chịu mọi sự. Tình yêu-thương chẳng hề hư-mất bao giờ» (I Cô 13:4-8). Yêu-thương tức là sống trong vòng những sự ràng-buộc, sống trong một cuộc đời có mọi phần tốt nhứt của ta dấy lên, lớn lên và tràn ra khắp chốn.

Ràng-buộc bởi lòng yêu đối với Chúa

Đức Chúa Jêsus phán cùng các môn-đồ Ngài rằng: «Nếu các người yêu-mến ta, thì giữ-gìn các điều-răn ta» (Gi. 14:15). Nếu thật yêu-thương Ngài, thì tự-nhiên họ sẽ giữ các điều-răn của

Ngài, không sao không làm việc ấy được. Ấy vì họ bị tình yêu-thương ràng-buộc. Đối với bạn thanh-niên, chẳng có lời khuyên-bảo nào tốt hơn lời khuyên-bảo này: Hãy nhìn xem Đức Chúa Jêsus. Thật thế, chỉ thấy Ngài cũng đủ yêu-thương Ngài đến đời đời. Đương khi sống với loài người, Ngài có tài lạ để thu-phục lòng họ. Ngài phán cùng Si-môn và Anh-rê rằng: «Các người hãy theo ta,» thì «hai anh em liền bỏ lưới mà theo Ngài» (Ma 4:19-20). Ngài phán với Gia-cơ và Giăng, «tức-thì hai người đó bỏ thuyền và cha mình mà theo Ngài» (Ma 4:22) cho đến khi Ngài chết. Ngài «thấy một người thâu thuế, tên là Lê-vi, đương ngồi tại sở thâu thuế. Ngài phán cùng người rằng: Hãy theo ta! Lê-vi bỏ hết mọi sự, đứng dậy đi theo Ngài» (Lu 5:27-28). Ngài lấy lòng ngay-thẳng không dứt mà làm cho mọi vật ở chung-quanh mình phải cảm-phục mình. Thô-ma nói rằng: «Chúng ta cũng hãy đi tới đó đặng chết với Ngài!» (Gi. 11:16). Phi-e-rơ nói rằng: «Tôi liệu sự sống tôi vì Chúa!» (Gi. 13:37). Có mấy người đờn-bà sắp mình nơi chơn Ngài, lấy nước mắt mà tắm chơn Ngài. Họ lấy dầu mắc tiền nhứt mà xức đầu và chơn Ngài; họ đi theo và giúp-đỡ Ngài.

Đức Chúa Jêsus ban cho mỗi môn-đồ cả tình yêu-thương của lòng Ngài. Ngài kêu họ bằng những tiếng nặng-nịu, như: «Hỡi các con trẻ ta» (Gi. 13:33). Ngài ôm Sứ-đồ Giăng vào ngực; Ngài khóc khi môn-đồ qua đời. Vì cớ họ, Ngài dâng lời cầu-nguyện thiết-tha hơn hết mà thế-gian chưa từng nghe: «Cha ơi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con» (Gi. 17:24).

Ngài có tài thu-phục lòng người một cách lạ-lùng. Lịch-sử Ngài và một vài lời Ngài để lại cũng đủ khiến ta nay phải hoàn-toàn cảm-phục Ngài. Tỉ như những câu: «Ta có lòng nhu-mì, khiêm-nhường, nên hãy gánh lấy ách

của ta và học theo ta» (Ma 11:29); «Lòng các người chớ hề bối-rối; hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin ta nữa» (Gi. 14:1).

Ta không thể nào đề nhiều thì-giờ kê-cứu các sách Tin-lành mà lại không bị Ngôi-vị phi-thường ấy cầm-giữ và nắm chặt. Chúng ta lấy Ngài làm lạ, chúng ta kính-phục và yêu-thương Ngài, rồi thì chúng ta thuộc về Ngài mãi mãi.

Tình yêu-thương của Chúa là năng-lực ràng-buộc

Tình yêu-thương của Đức Chúa Jêsus-Christ là một năng-lực ràng-buộc mạnh nhứt. Năng-lực ấy, loài người chưa từng biết bao giờ. Chỉ một tia sáng chiếu ra từ mặt Đức Chúa Jêsus-Christ cũng đủ thay-đổi ông Phao-lô, là một người Pha-ri-si hẹp dạ, đương bắt-bớ Hội-thánh, hóa ra một người sốt-sắng giảng đạo Tin-lành, đi từ thành này đến thành khác mà kêu-la rằng: «Đấng Christ là sự sống của tôi» (Phil. 1:21); «Tôi cũng coi hết thấy mọi sự như là sự lỗ, vì sự nhận-biết Đức Chúa Jêsus-Christ là quý hơn hết, Ngài là Chúa tôi, và tôi vì Ngài mà liều-bỏ mọi điều lợi đó. Thật, tôi xem những điều đó như rơm-rác, hầu cho được Đấng Christ» (Phil. 3:8); «Tình yêu-thương của Đấng Christ ép-buộc tôi» (II Cô 5:14).

Đương khi các thánh tử-đạo chịu gia-hình và hấp-hối, thì vẻ mặt nhơn-lành của Đức Chúa Jêsus-Christ chiếu-rọi trên họ, nâng-đỡ họ và khiến họ trung-tín cho đến chết. Tình yêu-thương hay ràng-buộc ấy đã đưa-đẩy ông *Livingstone* đến Phi-châu. Đương khi mắc chứng sốt-rét, lâm cơn hiểm-nghèo, nhớ quê-hương, gặp cảnh buồn-bực, chịu nỗi tử-biệt, phải tan-nát lòng, ông cảm-biết rằng bàn tay ông ở trong bàn tay Đức Chúa Jêsus-Christ, và Đức Chúa Jêsus-Christ đã đầy-dẫy đời sống ông, đến nỗi chẳng điều chi khác có thể cai-trị đời sống ông.

Tình yêu-thương của Đức Chúa

Jêsus-Christ là năng-lực đã đưa-dây mọi ông bà đi rao-giảng đạo Thập-tự-giá ra nước ngoài, là nơi họ gặp nguy-hiểm, chịu cô-đơn và có khi phải chết. Muốn kể những việc mà loài người đã làm vì được thấy Đức Chúa Jêsus-Christ và tình yêu-thương Ngài, thì phải chép cả một bộ sử-ký Hội-thánh. Hội-thánh được lập trên tình yêu-thương; sử-ký Hội-thánh là truyện-tích về những sự ràng-buộc của tình yêu-thương.

Hãy nhìn-xem Đức Chúa Jêsus-Christ. Hãy đọc các truyện-tích về Ngài cho tới khi anh em nhận thấy Ngài là thực-hữu hơn cha mẹ mình. Hãy dâng trọn tình yêu-thương của tâm-hồn mình cho Ngài, vì Ngài đáng được như vậy. Hãy cố hết sức sanh-hoạt trong một bầu không-khí trong-sạch, êm-dềm và tốt-đẹp hơn mình. Hãy yêu-thương Đức Chúa Trời, yêu-thương Đấng Christ và yêu-thương mọi người, thì đời sống anh em sẽ nảy-nở, sẽ êm-dềm, sẽ chia ơn xẻ phước cho những kẻ ở chung-quanh mình, và chẳng bao lâu sẽ dường như bị cầm-nắm bởi bàn tay khác, chớ không phải bởi bàn tay của anh em.

Quả thật, ai ước-ao một đời dường ấy tức là chọn lấy cái bậc cao-siêu. Nhưng nếu ta quên-bỏ mình đi, quyết-định ràng-buộc kẻ khác sống trong đời mạnh-dạn, hăng-hái, trong-sạch và thánh-khiết, thì ta lại đạt tới bậc cao-siêu hơn nữa. Đức Chúa Jêsus phán

rằng: «Hãy ra ngoài đường và dọc hàng rào, gặp ai thì ép mời vào, cho được đầy nhà ta» (Lu 14:23). Đó là việc Ngài sai chúng ta làm.

Ông *Dwight L. Moody* là một người dốt-nát, nghèo-túng. Kẻ khác không có danh-tiếng chừng nào, thì khi ông mới bước vào cuộc đời, ông cũng không có danh-tiếng chừng ấy; vậy mà ông lại có tài ràng-buộc lạ-lùng hơn hết trong thời-đại mình. Bí-quyết của sự đó chính là ông bị ràng-buộc hơn hết trong thời-đại mình. Ông đem ngày cầu-nguyện cho đường-lối của Đức Chúa Trời được thông-đạt. Đó là bí-quyết về ông có quyền-phép để ràng-buộc.

Nếu thấy Đức Chúa Jêsus-Christ, ắt ta sẽ đồng-thình với Thánh Phao-lô mà rằng: «Có lẽ cần buộc tôi; còn không rao-truyền Tin-lành, thì khốn-khó cho tôi thay» (I Cô 9:16); «Tôi... chẳng tìm ích-lợi riêng cho mình, nhưng cho phần nhiều người, để họ được cứu» (I Cô 10:33). Anh em nên cầu-nguyện rằng: «Lạy Đức Chúa Jêsus, xin cho tôi thấy cuộc đời và thấy Ngài, chẳng phải để tôi vì chính mình mà được giàu-có, nhưng để tôi được giàu-có đến nỗi tràn vào đời sống kẻ khác. Xin tỏ cho tôi biết công-việc của đời tôi. Tôi chỉ cầu làm việc ở nơi tôi có thể thi-thố trọn-vẹn những quyền-phép đặc-biệt của Ngài ban cho tôi để ép-buộc kẻ khác sống vì Ngài.»—*Bà C. soạn.*

THI-CA TIN-LÀNH

MỤC-SƯ PHAN-ĐÌNH-LIỆU

91. KỂ PHẢN CHÚA

(Lu-ca 22:3-6)

Tim mưu bắt nộp Chúa Giê-sus,
Ái-hữu gây nên kẻ nghịch-thù!
Ham-hố của đời ba chục bạc,
Trầm-luân biển khổ vạn muôn thu!

92. LỄ TIỆC-THÁNH

(Lu-ca 22:7-23)

Một diên tự-biệt nhớ ngàn thu,
Ơu-ngĩa thầy trò trải bấy lâu...
Miếng bánh rã-rời: thân Cứu-Chúa,

Nước nho tâm-tả: huyết Giê-sus!

Thầy đi thiên-thượng, treo gương sáng;
Trò ở nhơn-gian, vương nỗi sầu.
Buồn-bực khi đi, vui lúc hiệp,
Một diên tự-biệt nhớ ngàn thu.

93. AI SẼ ĐƯỢC TÔN HƠN?

(Lu-ca 22:24-30)

Nên hầu việc lẫn nhau,
Chớ lãnh phần cai-trị.
Lên trời, Chúa sẽ ban
Đồng ngồi nơi bửu-vị.



TRUNG-KỲ

Ban-mê-thuật và Kon-tum.—Sau khi Hội-đồng Linh-tu nhóm ở Nha-trang vừa giải-tán, thì bắt đầu từ 7 giờ ngày 24 Janvier 1934, ông Hội-trưởng E. F. Irwin, ông mục-sư D. I. Jeffrey, ông mục-sư H. A. Jackson và tôi cùng lên xe ra đi. Từ Ninh-hòa lên con đường tây, một giờ sau thì không thấy nhà người An-nam nữa. Cách vài giờ sau, khi-hậu hơi mệt hơn, thỉnh-thoảng lại gặp người *Rhadé*. Qua khỏi *M'drack* (chỗ mới mở-mang của tỉnh Ban-mê-thuật), ít lâu đến sở Chê-phe C. A. D. A, trợn 160 cây số, thì đến Ban-mê-thuật. Từ cây số 1 trong tỉnh ra đến cây số 40, bốn phía đều có người Mọi ở. Thật không ai ngờ rằng trong toàn-tỉnh này có đến 111.321 người Mọi ở. Tên các chi-tộc họ là *Rhadé*, *Pnong*, *Pnong Gar*, *Jarai Bih Raglai*, v. v. Khác chi-tộc thì không hiểu tiếng nói của nhau được.

Sáu giờ ngày 25-1-34, chúng tôi trải qua khoảng đường 200 cây số, là con đường vừa mới dọn xong, chỉ thấy rừng rậm thâm-u, tịch-mịch. Mười dặm lại gặp người cỡi voi, cỡi ngựa, mang dùi, nắm lao, vác búa, cõng con, dắt chó. Nhiều người ra bộ ngỗ-ngang, sợ-sệt, tới lui khó bước. Khi chúng tôi qua khỏi, thì sắc mặt họ hồi-tỉnh mà lên đường. Dưới mắt chúng tôi: nào rắn hổ-mang, to bằng cổ tay, cất cổ lên nhìn; nào nai con giông-ruồi qua đường cái. Cây-cối, cỏ, hoa trong bức tranh thiên-tạo đều điểm vẽ lịch mầu xinh. Tiếng chim thánh-thót, tiếng lá sột-sạt, tiếng gió ru cây, tiếng muôn loài nỉ-non bên tai như nổi khúc âm-nhạc du-dương, như hát «A-lê-lu-gia» ngợi-khen Đấng Tạo-Hóa. Hết nửa đường, chúng tôi lại gặp từng xóm nhà người Mọi.

Vài giờ nữa đến *Pleiku*, chúng tôi thấy trên cây số chỉ về hướng đông là «Cheo-reo.» Hướng bắc ngay trước mặt, dựng một trái núi sanh đôi, mầu hồng. Xe đang lướt qua lưng núi, chúng tôi nhìn ngay xuống phía trước, thấy một cánh

đồng hoang-vu, minh-mông, độ 1.000 mẫu, nhuộm mầu xanh-biết.

Đến chợ *Pleiku*, nhiều người Mọi lại nói tiếng khác, ăn-bận khác. *Pleiku* và An-kê đều là hai quận thuộc tỉnh *Kon-tum*. Ba giờ chiều, chúng tôi tới *Kon-tum*. Châu-thành đây có vẻ phồn-thạnh hơn Ban-mê-thuật. Tên các giống người Mọi trong tỉnh *Kon-tum* là: *Bahnar*, *Sê-dang*, *Alang*, *Suê*, *Halakong*, *Samré*, v. v., cộng 169.650 người. *Rhadé* và *Bahnar* là hai chi-phái có vẻ văn-minh hơn các chi-phái khác trong hai tỉnh đó.

Nhà ở. Trừ nhà người *Rhadé* và *Bahnar* ra, còn đều là bằng hai ba cái chòi cao cẳng. Mỗi xóm có 10 đến 50 cái. Quanh nhà không trồng-trọt gì. Ban ngày đóng cửa, người đều vào rừng.

Đồ mặc. Lạnh-rét như mấy ngày chúng tôi đi đó, thế mà phần nhiều họ chỉ mang cái khố bằng bàn tay, đứng ngồi run-run. Da chi, mặt nám, tóc không búi, rồi bù cù-sụ, họ nhìn nhìn, sợ sợ...

Đồ ăn. Họ nhai sống những cỏ-cào, mỗi-cánh. Một người nói: Hễ mỗi lần họ đập được rắn-mồi, các-kẻ hoặc các thú rắn, v. v., thì họ cứ nhện vào ống tre, rồi cho nắm muối, để vậy ít ngày bèn đem ra ăn!

Thưa các quý ông bà trong Chúa, đó là tôi thuật sơ về xứ-sở, cách ăn-ở và nỗi cực-khổ của 280.971 người Mọi. Song họ còn một điều khổ nữa, là chưa biết ơn cứu-rỗi của Chúa Jê-sus! Vậy mong các quý ông bà vui lòng dâng mình, chia của đặng cứu giúp họ. Xin coi Ê-xê-chi-ên 3:18.—*Lê-văn-Long*.

Mọi Cà-lơ.—Từ Septembre đến Décembre 1933, về việc dâng tiền giúp công-cuộc truyền-đạo cho Mọi Cà-lơ, số thâu và số xuất như sau này:

Tháng Septembre. Số thâu: Ông Vinh, Tourane, 5\$00; Hôi Tourane 2\$50; Mẫu-hội 5\$00; Hội-đồng Địa-hạt 6\$06; Hội Huế 2\$40; cộng 20\$96. Số xuất: Hội-đồng trả thầy Lái 6\$06; ông Stebbins trả thầy Lái 14\$90; cộng 20\$96.

Tháng Octobre. Số thầu: Hội Huế 1\$50; Hội Ninh-hòa 1\$00; Mẫu-hội 10\$00; Trường Kinh-thánh, Tourane, 5\$00; cộng 17\$50. Số xuất: Ông Stebbins trả thầy Lái 12\$50; Trường Kinh-thánh, Tourane, trả cô Lái 5\$00; cộng 17\$50.

Tháng Novembre. Số thầu: Hội Tourane 1\$16; Hội Tam-kỳ 2\$00; Hội Faifoo 10\$00; Mẫu-hội 10\$00; Hội Qui-nhơn 3\$60; Hội Hà-lĩnh 0\$80; Hội Huế 0\$44; cộng 28\$00. Số xuất: Ông Stebbins trả thầy Lái 28\$00.

Tháng Décembre. Số thầu: Hội Cẩm-long 2\$21; Hội Hà-lĩnh 0\$50; Mẫu-hội 10\$00; Hội Đồng-hới 1\$00; Hội Huế 0\$29; Hội Quế-sơn 6\$00; Hội Lạc-thành 1 0 \$ 0 0 ; Trường Kinh-thánh, Tourane, 3\$00; cộng 33\$00. Số xuất: Trả thầy Lái 33\$00.— *Lê-văn-Long*.

Quế-sơn.

—Ngày 6 Février 1934, bà nữ chấp-sự Luyến đã

về với Chúa. Anh em chúng tôi đi đến sắp-dặt việc đưa đám xác bà một cách vinh-hiễn. Nhờ Chúa yên-ủi, ông Luyến vẫn được bình-an. Xin các qui hội cầu-nguyện thêm cho ông.

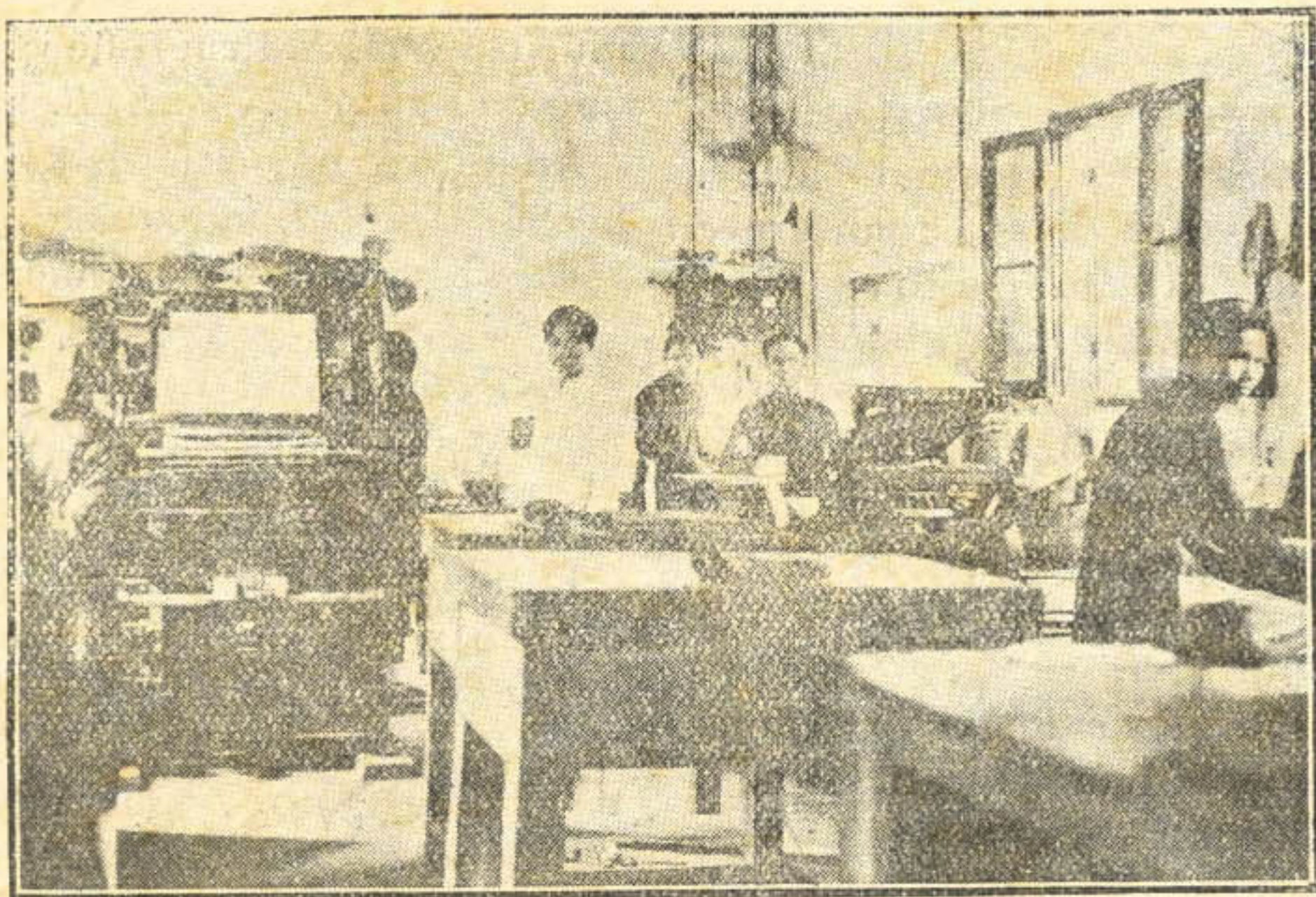
Anh Mùi trước khi sa-sút về sự tin-kính, thì con anh đau bại, nằm giường trong ba tháng. Anh cầu-nguyện lại, thì Chúa chữa cho con anh được lành. Thiệt là lạ lắm! Anh Đãi là người bỏ Chúa hai năm, gia-đình nguy-hiễm: con đau gần chết! Anh tỉnh-thức, nhứt-định trở lại thờ-phượng Chúa, thì con anh đã được Chúa chữa lành rồi. Vợ tôi nghiện trầu, tôi cầu xin Chúa làm phép lạ cắt-bỏ cho, tức-thì vợ tôi xảy ra đau vẹo cổ, nghịch-tả, mửa khan. Tôi có mời ông chấp-sự Khán và ông Thập-Ba cầu-nguyện cho, thì trong đêm đó vợ tôi được Chúa chữa lành liền. Xin các bà ai còn nghiện trầu

thì kíp chữa bỏ đi, kẻo bị Chúa sửa-phạt đấy.—*Trương-ngọc-Khanh, phái-viên*.

Faifoo.—Vì tin-dò và ban Trị-sự, nhứt là ông chấp-sự Huỳnh-Lạc, đều hiệp một mà lo công-việc Chúa, cho nên Hội chúng tôi đã làm lại được nhà tư-thất đẹp-đẽ. Tháng trước, chúng tôi có tổ-chức một ban Lục-truyền-đạo ở nơi thôn-quê và một ban Thủy-truyền-đạo ở miền thuyền-vang, thiệt là vui lắm. Xin quý ông bà cầu-nguyện cho hột giống đó được nảy chồi, trổ hoa. Cảm ơn.

Vợ anh Lê-Hồ cứng lòng lắm, trải mấy năm chị vẫn không chịu nghe lời anh khuyên mà tin Chúa. Tháng trước

đây, chị học xương vịt, nguy-hiễm lắm! Hai lần đi nhà-thương, cổ chị vẫn xưng. Sau khi được ông bà mục-sư cầu-nguyện cho, chị bèn tin Chúa, tức-thì cổ chị bớt đau, bớt xưng, lần lần khỏi hết.



Hai cái máy in của bôn-quán đương làm việc

Ngợi-khen quỳn-phép Chúa rất lạ!—*Thơ-ký: Lưu-Tụy*.

NAM-KỲ

Cai-ngan.—Cô Phạm-thị-Khuyên trước kia điên-khùng, sau khi tin Chúa, thì được khỏi. Song khi cô có chồng rồi, thì lần lần nguội-lạnh, ba, bốn tháng không đi nhóm một lần! Khi sanh con, cô bị nguy-hiễm quá! Tôi đến cầu-nguyện cho, thì một chốc cô tỉnh lại như thường. Có một lần cô xưng mình là quỷ này quỷ nọ, đặng ai cắn nấy, đến đổi miệng đầy máu. Người ta mời tôi đến, cô ấy cứ nói phạm-thượng luôn. Tôi nhơn danh Jê-SUS mà cầu-nguyện, thì cô ấy bèn run và té xuống, rồi tỉnh lại. Tôi có mời anh em lấy đức-tin mà cầu-nguyện cho cô, thì nay cô ấy đã mạnh-giỏi như thường. Thiệt là tài Cứu-Chúa rất lạ!—*Nguyễn-lấn-Lộc*.

LỄ ĐẠI-HÔN CỦA ĐỨC BẢO-ĐẠI

Bồn-báo được tin rất vui-mừng rằng bữa 20 Mars, tại Kinh-đô, Đức Bảo-Đại đẹp duyên cùng linh-ái ông Nguyễn-hữu-Hảo, người Nam-kỳ. Hoàng-hậu đã ở nước Pháp, thi đậu Luật-khoa Cử-nhơn, thông-thạo âm-nhạc, ưa-chuộng thể-thao, lại thêm dung-nhan diễm-lê, ngôn-ngữ hoạt-bát.

Thánh-Kinh Báo xin thay mặt Hội Tin-Lành Đông-Pháp mà chúc mừng Hoàng-thượng và Hoàng-hậu bách-niên giai-lão, cùng nhau trị nước, chấn dân!—*T. K. B.*

QUAN TOÀN-QUYỀN MỚI

Quan Thống-lãnh *Lebrun* đã ký đạo sắc-lệnh bổ quan *René Robin* sung chức Toàn-quyền Đông-dương thay cho quan *Pierre Pasquier* tạ-thế.

Quan *René Robin* sanh ngày 6 Août 1872 tại *La Trémouille*, thuộc về quận *Vienne*. Sau khi đậu Luật-khoa tấn-sĩ, quan được bổ vào ngạch Cai-trị Đông-dương ngày 10 Mars 1900. Đến năm 1921, quan được thăng Thống-sứ, và sung chức phó Toàn-quyền từ 1921 đến 1925, rồi lãnh chức Thủ-hiến xứ Bắc-kỳ. Năm 1928 và 1930, quan đã được quyền chức Toàn-quyền Đông-dương. Quan được thưởng-thọ đệ-tam-hạng Bắc-đầu bội-tinh.

Năm 1931, quan *René Robin* rời Đông-dương, và nhơn-dân còn mến-tiếc quan. Thánh-Kinh Báo xin thay mặt Hội Tin-Lành Đông-Pháp mà chào mừng quan trở lại xứ này.—*T. K. B.*

BẮC-KỲ

Phủ-lý.—Hiện nay nhà giảng gần đủ đồ-dùng, nên tôi đã khải-sự giảng. Nhờ ơn Chúa, nay đã được 15 người tin theo Ngài; trong số đó có 8 người thường họp lại và cũng có dâng tiền nữa. Từ ngày 14 đến 21 Janvier 1934, bồn-hội có mở một cuộc bố-đạo. Chúa dùng ông mục-sư W. A. Pruett và ông Lưu-văn-Mão đến giảng, làm cho đời thiêng-liêng của các tin-đồ được dức-dấy thêm lên, người ngoại được rửa Tin-lành. Số thính-giả rất đông, ai nấy đều nghe chăm-chỉ và hoan-nghinh đạo Chúa lắm. Kết-quả được một người ăn-năn tội, tin theo Chúa. A-lê-lu-gia! Có mấy người ở làng Yên-phú (cách tỉnh-lỵ 10 cây-số) mời chúng tôi đến giải-bày sự cứu-chuộc của Chúa cho họ, thì ngay hôm ấy có 5 người tin Chúa. Vậy, ở Yên-phú bây giờ tất cả có 8 người tin-đồ.

Ngợi-khen Chúa vô-cùng! Xin các quý ông bà nhớ cầu-nguyện cho làng này có một nhà giảng. Cảm ơn.

Bồn-hội cũng có lời cảm ơn cụ tú Phúc-Vân, nữ chấp-sự ở Hà-nội, đã dâng 2\$00 để đóng một tấm bảng «Hội Tin-Lành» ở đây. Cầu-xin Chúa ban phước cho cụ!—*Lưu-văn-Ky.*

Hà-nội.—Bữa 5 Mars, ông bà mục-sư Wm. C. Cadman đã tạm-biệt đất Việt-nam mà về nghỉ bên Mỹ. Chúng tôi xin Đấng Toàn-năng che-chở ông bà đương lúc con tàu linh-đỉnh mặt biển, đại-dụng ông bà ở bên Mỹ, và mau đưa-dẫn ông bà trở qua đây để cử thi-hành chức-vụ. Nhơn dịp, chúng tôi cũng xin hoan-nghinh ông bà mục-sư Wm. A. Pruett đến Hà-thành thay ông bà Cadman.—*T. K. B. và Nhà-in.*

Ấn-nhơn của Thánh-Kinh Báo.—Ông Lê-văn-Tiểu, Long-xuyên, giúp bồn-báo 1\$00. Xin cảm ơn ông lắm.—*T. K. B.*

TIN VANG ĐẤT THÁNH CÔNG-CUỘC MỞ-MANG XỨ PHA-LÊ-TIN

Phương-lược mở-mang cửa biển *Haifa* đã gần xong, và những tàu lớn hơn hết đã có nơi đậu tiện-lợi. Việc khai mở dầu từ *Mosul* (thành Ni-ni-ve cũ) đi qua mấy trăm dặm ở nơi đồng vắng cũng đương tiến-hành. Chắc đến năm 1935 thì sẽ có nhiều dầu lắm.

Còn một phương-lược khác nữa, là đặt đường xe-lửa từ xứ Pha-lê-tin đến xứ *Irak*; như vậy, việc chở hàng-hóa từ Âu-châu đến trung-bộ Á-châu và Á-đông sẽ bớt được nhiều ngày. Đã có đường hàng-không theo đúng hạn-định mà chở hành-khách từ tây-bộ Âu-châu đến xứ *Irak*, Ba-tư và Ấn-độ trong một thời-gian rất ngắn, thật là tiện-lợi.

Bây giờ đường giao-thông từ nước Ê-díp-tô đến xứ A-sy-ri đã thành ra một sự thường. Đi qua sa-mạc Sy-ri rộng-lớn kia chẳng phải là việc dễ-dàng đâu. Phải có trí tưởng-tượng, có tài-khé, và có rất nhiều tiền. Phải sẵn lòng chịu mất số tiền ấy để thắng mọi sự khó-khăn, phần thì bởi các năng-lực trong cõi thiên-nhiên, phần thì bởi bọn dân cổ-hủ. Bọn này muốn cứ ăn-ở trong vòng cổ-hủ, và lại muốn trả thù những người đã đến để «hủy-phá» cơ-nghiệp của họ.—*T. A. W.*

GIẢI NGHĨA KINH-THÁNH

I TÊ-SA-LÔ-NI-CA

(Tiếp theo)

MỤC-SƯ H. H. HAZLETT

3. Cách-thức Phao-lô coi-sóc Hội-thánh (2: 7-12).

1) Như người vú (2: 7). Một người vú buộc phải có tánh êm-dịu, thì mới làm tròn bổn-phận đối với con trẻ được. Một người vú ở mướn, có lẽ lắm khi không có lòng yêu-thương đối với con của kẻ khác, vậy chắc ông Phao-lô có ý nói rằng ông đã đối-đãi với họ chẳng khác gì một người mẹ đối với chính con của mình vậy.

2) Sẵn lòng liều mạng vì họ (2: 8). Vì Phao-lô có tình yêu-thương lớn-lao đối với họ, chẳng khác gì một người mẹ thương con, nên ông cũng muốn ban cho họ của tốt như một người mẹ cho con của tốt vậy. Cũng như một người mẹ phải bằng lòng liều mạng để sanh con, ông Phao-lô đã liều mạng vì dân thành Tê-sa-lô-ni-ca, hầu cho họ có thể nhờ quyền-phép của Chúa mà được sanh lại. Sau nữa ông cũng phải liều mạng luôn đang ở lại giữa họ và dạy thêm cho họ về những lẽ đạo quý-trọng của đạo Đấng Christ, chẳng khác gì một người mẹ kia, sau khi sanh con, lắm lúc cũng phải liều mình để săn-sóc và nuôi-dưỡng con, không thể tránh sự hiểm-nghèo ấy được. Đối với sự hầu việc Chúa, ta cũng nên có thái-độ dâng khen này luôn.

3) Vừa giảng-dạy vừa làm việc để tự nuôi mình (2: 9, 10). Ở câu 6, Phao-lô đã nhắc-nhở cho họ trước về sự ông làm việc lúc ông mới đến cùng họ, và ở đây ông lại nhắc-nhở về công-lao khó-nhọc ông phải làm để khỏi lụy đến một người nào hết. Câu 10 chắc chỉ về cách cư-xử của Phao-lô trong

mọi việc ông đã làm tại nơi này, song thiết tưởng rằng câu này có can-hệ mật-thiết đến câu 9 lắm. Biết bao nhiêu người truyền-đạo có thể làm chứng rằng cách ăn-ở của họ đối với mọi người tín-đồ «thật là thánh-sạch, công-bình, không chỗ trách được,» song đối với sỗ-sách của Hội-thánh và sự quỳn tiền, thì họ có thể nói vậy không? Có lẽ Chúa sẽ không hề bảo ta vừa giảng đạo vừa làm việc bằng chính tay mình, vì Kinh-thánh cho phép người truyền-đạo sẽ được nuôi mình bởi Tin-lành. Nhưng ta phải hết sức cần-thận về tiền-bạc, vì ma-quỉ hay lợi-dụng sự ấy để cám-dỗ người có chức-trách này.

4) Như cha đối với con (2: 11, 12). Trong câu 7 đã nói về người vú (người mẹ) coi-sóc và thương-yêu con mình dạy dỗ về sự Phao-lô coi-sóc Hội-thánh, nhưng ở đây lấy người cha khuyên-lơn con làm ví-dụ về sự Phao-lô lấy tình cha con trong Chúa mà «khuyên-lơn, yên-ủi và nài-xin» tín-đồ. Sở dĩ họ cần được Phao-lô khuyên-lơn và yên-ủi là vì họ đã gặp sự bắt-bớ nhiều và cũng có người đã mất bà-con của mình rồi. Ông cũng đã khuyên và nài-xin họ hãy «ăn-ở một cách xứng-dáng với Đức Chúa Trời,» kẻo họ sẽ làm ô danh Ngài giữa kẻ ngoại-bang chẳng. Chữ «nài-xin» này cũng có thể dịch là «làm chứng cho». Vậy Phao-lô đã làm chứng cho họ về sự vinh-hiến của Chúa khi Ngài sẽ hiện đến, và vì chính Đấng ấy đã kêu-gọi họ đến nước Ngài, nên họ chắc sẽ muốn ăn-ở xứng-dáng đáng hưởng-sự vinh-hiến

với Ngài. Chẳng có điều gì khiến cho ta hằng ngày lo về cách ăn nết ở của ta và nhờ Chúa làm cho ta được có lòng trong-sạch hơn là suy-gẫm luôn về sự tái-làm của Đấng Christ (I Gi. 3:3).

4. Tín-đồ Tê-sa-lô-ni-ca là mũ triều-thiên của Phao-lô (2: 13-19).

1) Họ đã tiếp-nhận lời truyền-dạy của Phao-lô như là lời của Chúa (2: 13).—Dầu có nhiều người đã coi những lời truyền-dạy của Phao-lô chỉ là lời của loài người, song hề ai tin rằng lời đó là lời của Chúa, thì nhờ đó đã được đổi lòng mới, «vì lời của Chúa là lời sống và linh-nghiệm». Vì Phao-lô đã thấy lời ấy hành-động ở trong lòng họ và kết-quả của sự hành-động ấy tức là sự cứu-rỗi của họ, nên ông phải «tạ ơn Đức Chúa Trời không thôi» (so-sánh 1: 2).

2) Họ đã chịu khổ bởi sự bắt-bớ (2: 14-16).—Khi họ vừa mới tiếp-nhận lời của Chúa, thì liền bị đồng-bào họ bắt-bớ, chẳng khác gì tín-đồ Giu-đa tại xứ Pha-lê-tin đã bị kẻ đồng-chủng họ bắt-bớ vậy. Vì các Hội-thánh tại xứ Giu-đê đã được lập trước hết, nên ông Phao-lô hay dùng những Hội ấy làm gương về mọi sự. Cho nên ở đây ông có tỏ cho tín-đồ Tê-sa-lô-ni-ca biết rằng sở-dĩ họ phải bị bắt-bớ dữ-tợn như thế là vì họ đương noi gương sáng của tín-đồ Giu-đa mà tin-cậy Đức Chúa Jê-sus, là Cứu-Chúa chung của mọi người. Vả lại, chính Phao-lô và Si-la đã bị người Giu-đa bắt-bớ và sỉ-nhục tại thành Tê-sa-lô-ni-ca, cũng như tại các chỗ khác nữa. Mấy người Giu-đa ấy chẳng những mắc tội giết Đức Chúa Jê-sus thôi đâu, mà lại phạm tội ngăn-trở truyền-bá Tin-lành ở giữa dân ngoại-bang nữa. Bởi sự chống-nghịch ấy, họ đã đầy-dẫy cái lượng tội-lỗi của họ, nghĩa là họ cứ noi gương xấu của tổ-phụ họ và chống-nghịch với Đức Chúa Jê-sus là Đấng đương hành-động ở trong hai sứ-đồ đang kêu-gọi nhiều người trở lại tin theo Ngài (so-sánh Sáng 15: 16; Đa 8: 23). Lúc bấy giờ chính Đức Chúa Trời đương hành-

phạt những kẻ ấy, vì nhằm ngày lễ Vượt-quá 48 năm sau Chúa (độ 15 năm sau Đức Chúa Jê-sus thăng-thiên rồi), có 30.000 người Giu-đa bị giết tại thành Giê-ru-sa-lem vì sự rối-loạn, nên Phao-lô chép rằng: «Nhưng cơn thanh-nộ của Đức Chúa Trời sau hết đã đến trên họ.» Việc này chỉ là đầu sự tai-họa sau phải đổ ra trên tuyền-dàn của Chúa. Vả, Phao-lô biết đó là một sự đoán-phạt từ tay Đức Chúa Trời xảy đến cho họ, vì họ trước đã giết Đấng Mê-si của họ (Ma 27: 25), sau lại cứ bắt-bớ Đấng ấy ở trong những kẻ đã có lòng tin-cậy Ngài (Gi. 15: 20, 21; Sứ 9: 4, 5). Dầu người Giu-đa hay khoe mình là dân được hưởng ơn riêng của Chúa, song vì họ đã chối-bỏ Đấng Christ và hằng bắt-bớ các tín-đồ của Ngài, nên họ phải bị kể là kẻ «làm trái ý Đức Chúa Trời và thù-nghịch với mọi người nữa.»

3) Phao-lô đã mấy lần ước-ao đến thăm-viếng họ, song bị ma-quỉ ngăn-trở (2: 17, 18).—Trên kia chúng ta đã thấy rõ rằng Phao-lô phải sớm từ-biệt Hội-thánh này là vì có người Giu-đa bắt-bớ dữ-tợn, chớ lòng riêng của ông còn muốn ở lại với họ lâu hơn. Vả, từ khi ông xa-cách họ, thì nhiều phen ông rất muốn trở về thăm-viếng họ, song ông bị ma-quỉ ngăn-trở luôn. Có đôi lần trước kia Đức Thánh-Linh đã ngăn-trở Phao-lô và không cho ông đi đến một chỗ (Sứ 16: 6), song sự ngăn-trở ở đây ông biết rõ-ràng là bởi ma-quỉ. Nó đã dùng phương-thế nào để ngăn-trở ông thì chúng ta không biết chắc, song có lẽ vì nó xui-giục người ta hết sức chống-nghịch ông tại thành Cô-rinh-tô, đến nỗi ông phải trú tại nơi này khá lâu và không có thì-giờ rảnh dặng trở về thành Tê-sa-lô-ni-ca (Sứ 18: 6-11).

4) Họ là sự trông-cậy, sự vui-mừng, mào triều-thiên vinh-hiễn của Phao-lô (2: 19, 20).—Dầu sự trông-cậy độc-nhứt của Phao-lô là Đức Chúa Jê-sus (I Ti 1: 1), song ông cũng có thể kể các tín-

đồ đã nhờ sự ông giảng đạo mà biết Đấng Christ là Cứu-Chúa của mình, là «sự trông-cậy» của mình, vì ông trông-mong rằng họ sẽ «được đứng trước mặt Đức Chúa Jêsus chúng ta khi Ngài đến.» Họ cũng là sự vui-mừng và mآo triều-thiên cho ông nữa, vì mỗi khi ông nhắc đến sự họ đã từ nước tối-tăm của ma-quỉ dời qua nước sáng-láng của Chúa và sự họ hiện đương đứng vững trong đức-tin, thì ông phải nức lòng mừng-rỡ lắm (II Cô 1: 14; Phil. 2: 16; 4: 1). Vả, nếu ông không liệu mình để phô-bày Tin-lành ở giữa họ, thì họ không thể nào tin Đức Chúa Jêsus được, cho nên ông kể họ là mآo triều-thiên mình thật là xứng-đáng lắm, và đối với việc ấy chắc ông không có ý tự-kiêu chi hết. Có người muốn biết rằng mình sẽ được đội mũ triều-thiên vinh-hiến ở nước thiên-đàng hay chẳng, song nếu chưa hưởng lấy mũ ấy ở thế-gian này bởi sự làm chứng về đạo (những người tin Chúa bởi sự làm chứng của họ tức là cái mũ ấy), thì ắt chẳng hưởng được ở trên thiên-thượng bao giờ.

(Còn tiếp)



(Tiếp theo)

MỤC-SƯ J. DRANGE OLSEN

c. Sự cứu-rỗi nhắc mọi tín-đồ lên khỏi các giai-cấp của đời (câu 23, 24).—«Anh em đã được chuộc bằng giá cao, chớ trở nên tội-mọi của người ta làm chi.»—Mỗi tín-đồ được chuộc bằng huyết báu của Đấng Christ, được làm của thuộc riêng về Ngài. Vả, chớ trở nên làm nô-lệ cho người ta. Hoặc mình là kẻ nô-lệ hay là người tự-do, hãy nhờ Chúa mua-chuộc mình ra khỏi vòng nô-lệ của tội-lỗi và ma-quỉ, mà trở nên nô-lệ của Chúa; cái giai-cấp của đời không còn bó-buộc linh-hồn mình nữa. Kẻ đứng trong địa-vi

nô-lệ về phần xác, nên làm việc cho chủ dường như làm cho Đấng Christ, không làm để được chủ khen, nhưng làm để cho Chúa khen, kẻ ấy đã được tự-do bề trong rồi (Êph. 6: 6, 7). Còn kẻ nào làm trọn bổn-phận mình chỉ bởi vì muốn đẹp lòng người ta, dầu làm chức-vụ cao-trọng thế nào, cũng chỉ là nô-lệ cho người ta mà thôi.

Thế thì, trong câu 24, Phao-lô lại khuyên rằng: «Hỡi anh em, ai nấy khi được gọi ở đẳng-bậc nào, thì cứ ở theo đẳng-bậc ấy trước mặt Đức Chúa Trời.»—Hễ ai muốn, cũng có thể hầu việc Đức Chúa Trời, dầu đứng trong địa - vị nô-lệ cũng được. Hoặc làm thầy, làm quan, hoặc cày ruộng, làm vườn, hoặc chăn trâu, nuôi bò, hoặc dọn nhà, quét sân, cũng đều có thể phục-sự Chúa như kẻ giảng đạo của Ngài, không buộc ai phải lìa-bỏ cái đẳng-cấp của mình. Chỉ cần phải hết lòng kiếm thế trong mọi việc làm của mình cho đẹp lòng Đức Chúa Trời và làm sáng danh Ngài luôn thì đủ rồi. Kẻ làm như thế, mặc dầu thuộc trong giai-cấp nào, cũng được giao-thông với Đức Chúa Trời, được đồng đi với Ngài cũng như Hê-nóc ngày xưa, rồi một mai sẽ được Ngài tiếp lên, vì có chứng rằng mình vừa lòng Đức Chúa Trời (Sáng 5: 21-24; Hêb. 11: 5).

3. Lời dạy kẻ đồng-trình và người góa-bụa 7: 25-40.—Trong phần này, Phao-lô luận về vấn-đề cưới-gả của người đồng-trình và kẻ góa-bụa. Có thể chia lý-luận này ra làm 7 phần nhỏ như sau này:

a. Phao-lô chỉ khuyên chớ không răn - bảo (câu 25).—«Về những kẻ đồng-thân (đồng-trình), tôi chẳng có lời Chúa truyền; song tôi nhờ ơn thương-xót của Chúa, tôi được làm... tôi được làm người đáng tin, nên tôi ban lời khuyên-bảo.»—Về sự cưới-gả của kẻ đồng-trình ông chưa nhận được lời răn-bảo của Chúa, nên đều ông dạy về vấn-đề ấy chỉ là lời khuyên-bảo mà thôi. Dầu vậy, lời khuyên-bảo ấy há

chẳng được Đức Thánh-Linh hà hơi vào sao? Chắc là có, nhưng chỉ để khuyên-bảo mà thôi. Lời dạy trong câu 10 và 11 đều là mạng-lệnh trực-tiếp của Chúa (Mat. 5: 31, 32); lời dạy của câu 12 là điều-răn nhờ Đức Thánh-Linh trực-tiếp truyền-bảo cho Phao-lô. Còn lời luận trong phần này chỉ là lời khuyên-bảo, song cũng được Đức Thánh-Linh soi-bảo dẫn-dắt, nên ông mới nói ra. Vả, tin-đồ Chúa nên tin và vâng theo lời khuyên dạy ấy, vì người khuyên đây chẳng những là khôn-ngoa và tưng-trải, mà lại nhờ ơn thương-xót của Chúa đã được làm sứ-đồ đáng tin.

b. Vì có tai-vạ hầu đến, chớ nên cưới-gả (câu 26-27).—«Vậy tôi tưởng vì có tai-vạ hầu đến, một người nam cứ ở vậy là nên.»—Đây Phao-lô khuyên người đồng-trình chớ nên cưới-gả. Sao lại khuyên vậy? Là vì tai-vạ hầu đến. Đương thời ấy tin-đồ Chúa đã khởi bị bắt-bớ vì đạo rồi. Song Phao-lô cũng biết rõ theo lời Chúa phán trong Mat. 24: 8-21, còn sẽ có những tai-vạ lớn hơn nữa phải xảy đến, cùng những cơn bắt-bớ dữ-dội hơn sẽ nổi lên đáng thử-rèn họ. Vì vậy cho nên ông thiết-tưởng nếu một người nam đồng-trình cứ ở như vậy thì nên và có ích cho mình hơn. Vẫn biết rằng sự tai-vạ hầu đến chẳng đủ khiến cho vợ chồng phải phân-rẽ nhau ra. Nhưng ông cho sự ấy quả-nhiên có đủ có bất-tiện để ngăn-ngừa người đồng-trình đừng cưới-gả. Cho nên ông khuyên thêm rằng: «Có phải đã bị vắn-vương với vợ chẳng? Chớ tìm cách mà lìa mình ra. Có phải người chưa bị vắn-vương với vợ chẳng? Đừng kiếm vợ.» Ta khá giữ mình, e rồi vịn lấy câu này mà quyết rằng Phao-lô dạy người ta đừng cưới-gả, thủ-trình là tốt hơn. Câu này chỉ can-thiệp đến tin-đồ Cô-rinh-tô đương lúc khốn-nạn ấy, và có lẽ can-thiệp đến kẻ nào ngày nay phải trải qua một cảnh-ngộ tương-đương như thế thôi. Cái công-lệ hôn-phối mà

Đức Chúa Trời đã định lúc mới dựng nên loài người vẫn là một cái công-lệ bất di-dịch (*loi immuable*) và vẫn cứ còn văng-vẳng bên tai rằng: «Loài người ở một mình thì không tốt, ta sẽ làm nên một kẻ giúp-đỡ giống như nó.»

(Còn tiếp)



(Tiếp theo)

SOẠN-GIẢ: MỤC-SƯ W. A. PRUETT

Ê-PHÊ-SÔ 2: 14.—«**Bức tường ngăn-cách.**» Bức tường nào đó? Chúng ta biết đền-thờ của Chúa tại thành Giê-ru-sa-lem có bức tường bằng đá chia hành-lang dân Giu-đa với hành-lang dân ngoại, ngăn-cấm dân ngoại không được vào trong nơi thánh, vì nếu vậy phải bị xử-tử. Nói về bức tường trong câu này, chắc tác-giả Phao-lô nghĩ đến tường đá ấy, song có nghĩa bóng, vì bức tường phân-rẽ thật không phải bằng đá, bèn là «sự thù-nghịch» với nhau, cùng với Chúa. Trong đền-thờ ấy có hai hành-lang, cùng hai bức tường: một tường bề trong ngăn dân Giu-đa không được vào nơi thánh có các thầy tế-lễ; hai là tường bề ngoài chia dân ngoại với hành-lang dân Giu-đa. Nghĩa bóng hai tường ấy tỏ về luật-pháp cực-linh chí-thánh của Đức Chúa Trời đã được ban cho trên núi Si-na-i. Vì không ai giữ được trọn vẹn luật-pháp ấy, nên luật ấy thành ra như một bức tường ngăn-cấm mọi người không được đến cùng Chúa (xem Rô 7: 7-13). Cũng vì dân Giu-đa đã nhận-lãnh luật-pháp ấy từ nơi Chúa, nên họ sanh lòng kiêu-ngạo, làm cho dân ngoại tức mình và ghen-ghét, thành ra «sự thù-nghịch» rất nổi lên và chia các dân ấy như một bức tường vậy. Vấn-đề ấy rất khó, ngoài ra Chúa trên trời, không ai giải-quyết nổi. Xin quý độc-giả lưu-tâm chú-ý nhìn-xem

công-việc lớn-lao và khó-khăn mà Đức Chúa Jêsus đã làm để giải-quyết vấn-đề ấy: 1) Ngài đã hi-sinh thân-thể Ngài để phá đổ bức tường, dùng xác chết Ngài để mở ra một «đường mới và sống» (Hê 10: 20), hầu mọi người được đi đến cùng Đức Chúa Trời. 2) Ngài đã trừ-bỏ luật-pháp khép án cho mọi người, bởi chính Ngài gánh lấy mọi tội thiên-hạ; Ngài bị can án, bị Đức Chúa Trời đánh và đập (Ê-sai 53: 4) thay vì chúng tôi. 3) Ngài nhờ một phương-pháp ấy khiến dân Giu-đa và dân ngoại đều được hòa nhau, và cùng nhau được hòa-thuận với Đức Chúa Trời, vì Ngài đã «giết sự thù-nghịch nhau» (câu 16). Thật là tài Cứu-Chúa rất lạ!

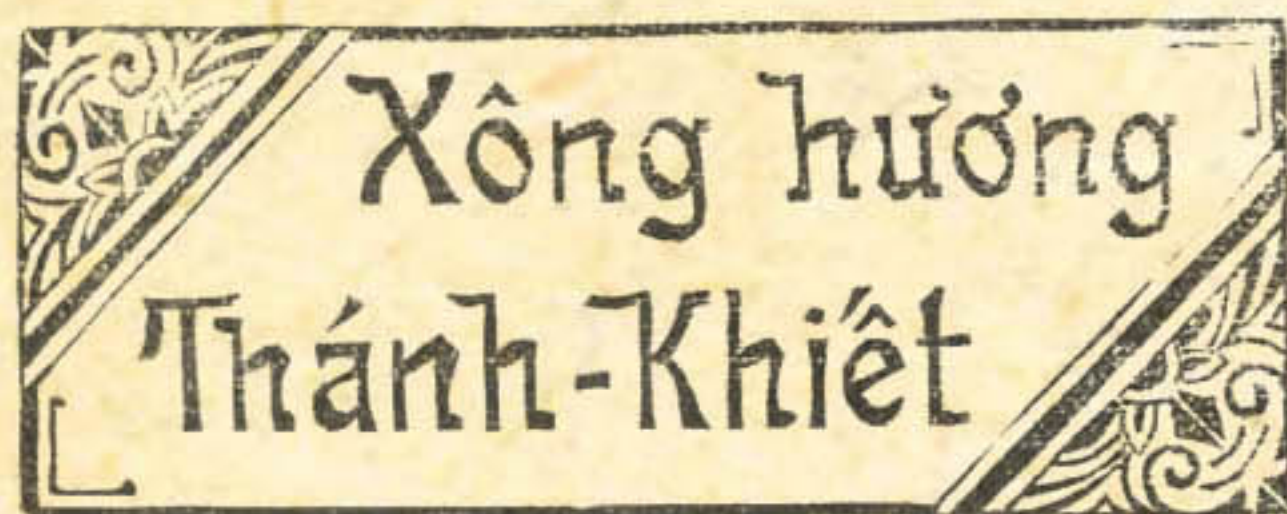
T. B. Đây là xương một bài giảng:

1. Chúa Jêsus đã đến **giảng hòa** (câu 17).

2. Ngài **làm hòa với Đức Chúa Trời** (câu 16).

3. Ngài **làm cho dân Giu-đa với dân ngoại hòa nhau** (câu 15).

4. Ngài là **sự hòa-hiệp của chúng ta** (câu 14). (Còn tiếp)



(Tiếp theo)

(Lược-khảo sự cầu-nguyện theo Thánh Ma-thi-ơ)

BÀ HOMERA HOMER-DIXON

Đoạn 8: 16-17. Chúa đáp lại lời cầu-nguyện vì hai có:

1^o Đức Chúa Cha yêu-thương chúng ta (Gi. 16: 27; Ma 7: 11).

2^o Đức Chúa Cha tôn-kính lời của chính mình Ngài: «Vậy cho được ứng-nghiem lời của Đấng tiên-tri Ê-sai đã nói rằng: Chính Ngài đã lấy tội-nguyên của chúng ta...» «Đều chi các người sẽ cầu-xin Cha, thì Ngài sẽ nhơn danh ta mà ban cho các người» (Gi. 16: 23), vân vân...

Có nhiều người không muốn đến cùng Ngài, hoặc không thể đến cùng Ngài. Vậy, chúng ta phải dùng lời cầu-nguyện mà **đem họ** đến cùng Ngài. *Người khác có thể cấm chúng ta trò-chuyện cùng họ, song không thể cấm chúng ta cầu-nguyện cho họ!*

Đoạn 8: 24. Đây có phép tính về sự cầu-nguyện:

Cơn bão dữ-dội cộng với lời cầu-nguyện, thành ra sự bình-an phẳng-lặng. Phước thay!

Đoạn 8: 25. «Lạy Chúa, xin cứu...!» Đó là lời cầu-nguyện ngắn-ngủi và linh-nghiem trong cảnh không ngờ. «Lạy Chúa, xin cứu...!» Đó là lời cầu-nguyện khiến cho kẻ mắc nạn được ơn cứu-giúp đầu-nhứt. Trong đời ân-diễn này, lời cầu-nguyện dường ấy đã được Chúa đáp lại, và sẽ được Chúa đáp lại luôn.

Đoạn 8: 34. Chúng ta có nói như vậy: «Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đáp lại lời cầu-xin» chẳng? Bằng vậy, thì nguyện Ngài cứu chúng ta thoát khỏi lời cầu-xin chép đây! Nguyện Ngài đặt một người lính canh cửa môi-miệng chúng ta, cả đến lúc chúng ta cầu-nguyện nữa!

Câu Kinh-thánh này chép về một điều ghê-gớm hơn hết mà người ta xin Đức Chúa Trời mình, và **Ngài đã ban cho đều đó.**

Câu Kinh-thánh này chứa nhiều ý-tưởng (Thi 106: 15).

Đoạn 9: 1-7. «Đến thành mình,» tức là đến thăm những người có đức-tin bại-xuội cũng như có thân-thể bại-xuội. Nhưng tại đó cũng có kẻ đầy-dẫy đức-tin, đến nỗi đem được người bại đến cùng Ngài.

Hãy nhận kỹ rằng việc ở câu 2 xảy ra trước việc ở câu 6. Chúa trả lời ở trong lòng người bại trước, rồi sau mới trả lời ở ngoài thân-thể người. Ở ngoài có sự trì-hoãn, nhưng đương khi ấy trong lòng có một việc vô-hình được thi-hành trọn-vẹn. (Còn tiếp)



TRÚNG BƯỚM HÓA SÂU, SÂU HÓA BƯỚM

CHị Sâu có tánh yên-lặng, đương bò lết đông-dài dọc theo tàu lá cải bắp, ngó bộ rất ngộ. Chị Bướm nói với chị Sâu rằng:

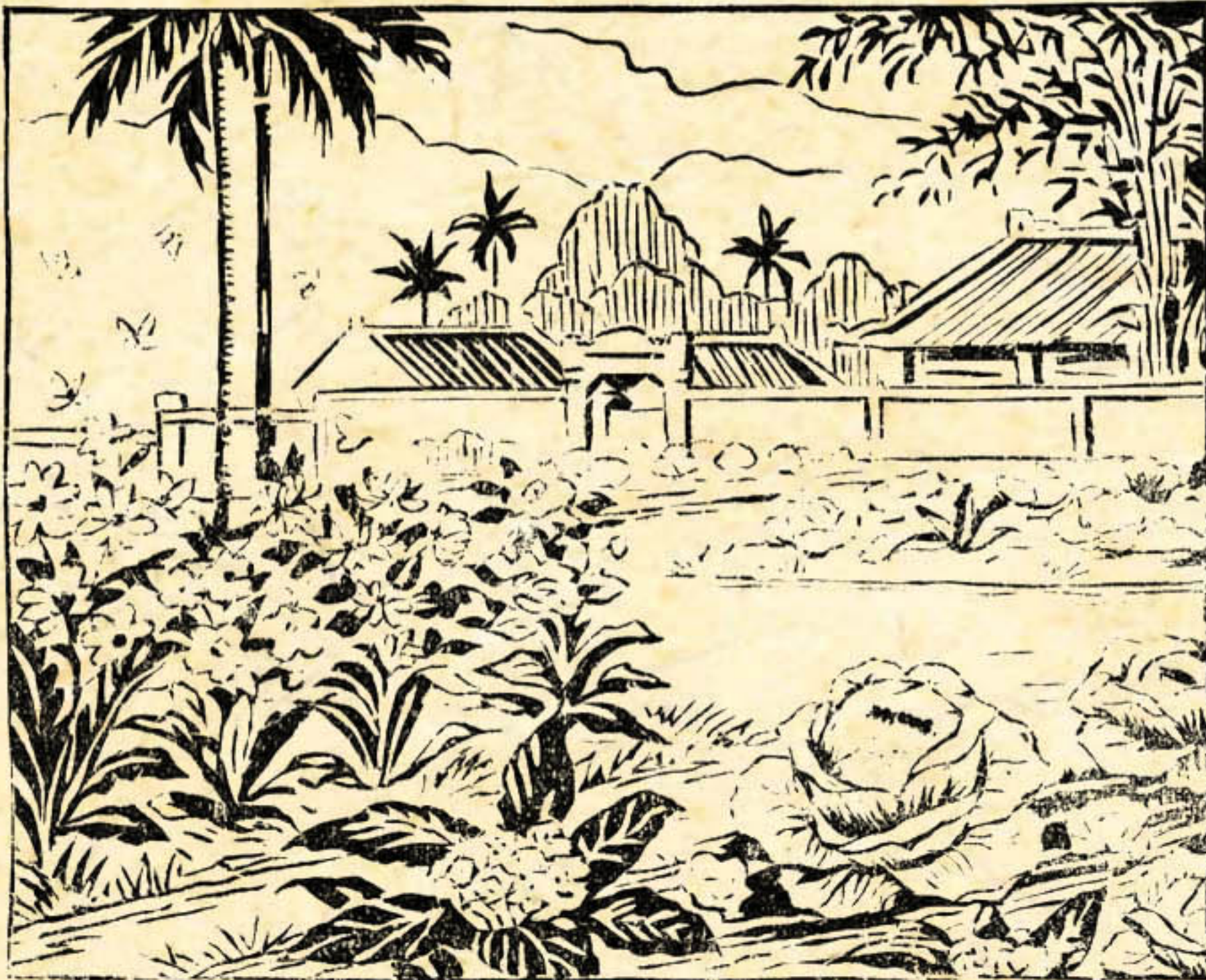
—Chị ơi, tôi nhờ chị đứng làm mẹ nuôi để trông-nom giùm đàn con đáng

thương của tôi. Chị hãy coi những trứng nhỏ xíu đây này. Tôi không biết còn bao lâu nữa thì con-cái tôi mới ra đời. Hiện nay tôi đau nặng quá. Nếu tôi chết mất, thì ai sẽ chăm-nom cả đàn Bướm bé-nhỏ của tôi?

Này, chị Sâu nhơn-lành, dịu-dàng, xanh-tươi ời! Chị sẽ trông-nom chúng nó chẳng? Nhưng chị phải để ý đến món ăn nuôi chúng, vì chúng sẽ ăn sương-mọc và nhụy hoa, chớ không thể sống bằng món ăn khó nuốt của chị đâu. Ban đầu chị nên để chúng bay gần thôi, bởi chưng chúng chưa thể vụt chốc biết dùng cánh cho nhả cách được. Than ôi, chị không biết bay, thật đáng thương và đáng buồn lắm! Nhưng bây giờ tôi không còn thì-giờ để kiếm mẹ nuôi khác cho đàn con tôi nữa. Vậy, xin chị ăn-ở nhơn-lành với đàn con nhỏ xíu đáng thương của tôi, nhớ! Đây, xin chị

nhận lấy phần vàng của cánh tôi làm đồ thưởng. Ôi, tôi xây-xăm quá! Chị Sâu ơi, chị nên nhớ lo về món ăn cho con tôi, thì tôi đội ơn chị lắm.

Nói đoạn, chị Bướm rũ cánh mà qua đời, trông thật đáng thương.



Các em thử tìm xem chị Sâu đang nằm ở đâu?

Chị Sâu xanh-tươi đành đứng một mình ở bên cạnh những trứng của Bướm-bướm. Chị bèn than-thở rằng:

—Quả thật, bà Bướm rất đáng thương này đã lựa-chọn cho con-cái một người mẹ nuôi giỏi giỏi

ghê! Tôi nay phải lo một công-việc quá sức! Ừ, bà ấy hẳn đã loạn trí, bằng không, ắt chẳng hề xin một vật bỏ sát như tôi đây nuôi-nấng đàn con thích ăn sang! Quả thật, khi chúng mọc cánh và biết bay, thì chúng sẽ làm cho tôi bối-rối lắm. Chà, loài Bướm dẫu bận áo lòe-loẹt và điểm phần vàng rực-rỡ, song cũng ngu-dại biết bao!

Nhưng chị Bướm đáng thương chết cứng rồi, để lại đám trứng vẫn bám vào tàu lá cải bắp. Chị Sâu xanh-tươi có lòng nhơn-lành, cho nên nhứt-định hết sức làm việc. Suốt đêm đó, chị bò quanh đám trứng, vì sợ chúng nó gặp

phải tai-nạn gì chẳng, cho nên chị không được ngủ, lưng mỏi như dần. Đến sáng, chị lằm-bằm một mình :

—Tôi sẽ đi hỏi loài vật khôn-ngoaan để họ chỉ-bảo giúp về việc này.

Song có một điều khó, là chị Sâu phải hỏi ai bây giờ? Suy đi nghĩ lại, chị nhớ ra có bác chim Chia-vôi. Chị thấy bác giỏi bay cao, chị tưởng bác hẳn khôn-ngoaan lắm và hiểu-biết nhiều.

Bác chim Chia-vôi ở trong ruộng lúa bên cạnh. Chị Sâu sai mời bác đến chơi nói chuyện. Lúc bác đến, chị bày-tổ mọi nỗi khó-khăn, và hỏi cách nuôi-dạy những con Bướm-bướm nhỏ xíu khác hẳn với mình. Chị Sâu rụt-rè nói rằng :

—Lần sau bác bay lên trời, có lẽ bác sẽ hỏi-han và nghe-ngóng ít nhiều được.

Bác chim Chia-vôi đáp gọn thon-lớn :

—Có lẽ...

Dứt lời, bác liền bay lên từng trời trong-xanh, cất tiếng mà ca-hát. Bác bay càng cao, thì giọng càng nhỏ,... rồi chị Sâu chẳng còn nghe được chút gì. Chị bò quanh những trứng Bướm-bướm, thỉnh-thoảng nhắm một chút lá cải bắp. Sau-rốt chị nói :

—Bác chim Chia-vôi đi đã lâu thay ! Tôi muốn biết bác bay đến chốn nào và bác nghe được những gì trong cõi trời xanh đầy-dẫy những sự lạ-lùng !

Chị Sâu xanh-tươi lại bò quanh những trứng Bướm-bướm một lần nữa. Chị bỗng nghe thấy tiếng bác chim Chia-vôi. Chị vui-vẻ quá đổi, đến nỗi muốn nhảy chồm lên. Rồi chị liền thấy bạn mình lằng-lặng bay xuống cái giương bằng tàu lá cải bắp. Tới nơi, chim Chia-vôi hát :

—Chị Sâu ơi ! Có tin-tức, có tin-tức, tin-tức vui-mừng...

Rồi chim Chia-vôi lại tiếp :

—Nhưng sợ chị không tin tôi !

Chị Sâu vội đáp :

—Bác nói gì, tôi cũng tin.

—Này, trước hết tôi nói cho chị biết mấy con nhỏ này phải ăn gì nhớ. Chúng ăn xoàng lắm. Chúng ăn món

mà chị kiếm được rất dễ-dàng.

Chị Sâu buồn-rầu, lằm-bằm rằng :

—Tôi chỉ kiếm được lá cải bắp là rất dễ-dàng.

Chim Chia-vôi vui-vẻ reo-hò :

—Tốt lắm ! Bạn hiền của tôi ơi, chị đã tìm được rồi. Chị phải nuôi chúng bằng lá cải bắp.

Chị Sâu tức-giận, kêu-la rằng :

—Không khi nào ! Lúc hấp-hối, mẹ chúng trối lại với tôi rằng đừng cho chúng ăn món đó.

Chim Chia-vôi gân cổ cãi :

—Mẹ chúng chẳng biết chi về việc này. Chị Sâu ơi, chị tưởng trứng này nở ra loài gì ?

—Chắc nở ra Bướm-bướm.

—Nỡ ra Sâu chớ ! Đến kỳ-hẹn, chị sẽ thấy quả là như thế.

Đoạn, chim Chia-vôi bay đi. Chị Sâu lại bò quanh đám trứng ; chị lằm-bằm :

—Trước kia tôi tưởng bác chim Chia-vôi khôn-ngoaan, hiền-lành, chẳng ngờ té ra bác ngu-ngốc, xác-xược.

Chim Chia-vôi bay xuống lần nữa, nói rằng :

—Nếu chị tin tôi, thì tôi mới nói.

Chị Sâu, vẻ mặt nghiêm-trang, lại đáp như trước :

—Bác nói gì, tôi cũng tin.

—Một ngày kia, chính chị cũng hóa ra con Bướm-bướm.

—Con chim khốn-nạn kia, mầy thấy ta hèn-kém, nên chực chế-nhạo ta sao ? Mầy độc-ác và ngu-ngốc. Bước đi thôi ! Ta không thèm nhờ mầy khuyên-bảo nữa.

Chim Chia-vôi vội nói xoi lại :

—Tôi đã nói với chị rằng chị không tin tôi kia mà.

Chị Sâu gân cổ cãi :

—Người ta nói cái gì tôi cũng tin, miễn là (chị ngập-ngừng) cái đó phải có lý đáng tin. Nhưng bác lại nói rằng trứng Bướm-bướm nở ra Sâu, và Sâu thôi bò sát, lại mọc cánh, hóa ra Bướm-bướm ! Này, bác chim Chia-vôi ơi, bác khôn-ngoaan quá, nên mới tin việc trái

lẽ như thế. Bác biết thừa rằng việc đó không thể xảy ra được.

Chim Chìa-vôi nói cách sốt-sắng rằng:

—Chị Sâu ơi, chị bò sát đất, không hề cất mình lên cao hơn tàu lá cải bắp, cho nên chị mới nói rằng việc này việc nọ không thể xảy ra.

Chị Sâu quát-thét lên rằng:

—Trái lẽ quá! Bác thử nhìn thân tôi xanh-tươi, dài lướt-thướt, và chơn tôi nhiều đến nỗi không đếm được, thế mà bác nói rằng tôi sẽ mọc cánh và bận áo sắc-sỡ, nhẹ-nhàng. Điên-dồ thay!...

Chim Chìa-vôi cũng quát-thét giận-dữ rằng:

—Chị cũng điên-dồ, điên-dồ vì chực luận lẽ về việc mình không hiểu được. Chị há chẳng nghe giọng hát của tôi đầy vẻ vui-mừng khi tôi bay-lượn trong cõi lạ-lùng khó hiểu ở trên kia sao? Ồ, chị Sâu ơi! Hãy bắt-chước tôi, giơ tay tin-cậy nhận-lãnh mọi sự đến từ nơi ấy.

—Bác cho đó là...

Chim Chìa-vôi vội chận lời mà nói:

—Đó là đức-tin.

Chị Sâu hỏi:

—Tôi học-biết đức-tin thế nào?

Chính lúc ấy, chị Sâu nghe tiếng ngọ-nguậy bên mình. Chị nhìn quanh-quất: Kia, tám hoặc mười con sâu xanh-tươi đương bò lổm-ngổm dọc ngang, nhấm thũng lỗ-chỗ tàu lá cải bắp. Đó là lứa trứng của bà Bướm nở ra chúng nó đấy mà!

Chị Sâu hồ-thẹn và lạ-lùng quá đổi, nhưng chị liền vui-vẻ, vì việc lạ thứ nhứt có thể xảy ra rồi, thì việc lạ thứ hai cũng sẽ xảy ra được. Chị nói:

—Bác chim Chìa-vôi ơi, xin dạy-bảo tôi!

Chim Chìa-vôi bèn nói cho chị Sâu biết những sự lạ-lùng của đất thấp và của trời cao.

Chị Sâu đã được bác chim Chìa-vôi dạy bài đức-tin, nên khi chị phải yên-lặng để hóa hình ra con Bướm-bướm, chẳng khác chị phải nằm trong mồ-mả, thì chị nói rằng:

—Một ngày kia, ta sẽ thành ra Bướm-bướm!

Song bà-con chị tưởng chị loạn trí, bèn than-thở rằng:

—Đáng thương thay!

Một buổi sáng kia, mặt trời rực-rỡ, muôn vật khoe tươi, chị Sâu biến thành con Bướm đẹp-đẽ, vũ cánh sắc-sỡ bay từ cụm hoa này đến cụm hoa khác, hút nhụy bông để nuôi thân.

Hỡi các em yêu-dấu, chúng ta chẳng khác gì chị Sâu, đều có thân-thể hèn-mạt, yếu-đuối. Nhưng, nếu chúng ta tin Đức Chúa Trời, thì chúng ta đều phải gởi thân trong mồ-mả ít lâu, nhưng Ngài cũng sẽ kêu-gọi chúng ta sống lại, ban cho thân-thể vinh-hiến không hề hư-nát. Hãy bền lòng chờ-đợi Đức Chúa Jê-sus-Christ tái-lâm, vì khi ấy linh-hồn và thân-thể chúng ta chắc được giải-cứu trọn-vẹn!—*Bà Margaret Gatty.*

BÊ TAN XIỀNG CHẾT!

Ta đã chết, kia nay ta sống đời đời, cầm chìa-khóa của sự chết và Âm-phủ (Khải-huyền 1 : 18)

I. Trên cây Thập-tự, Christ liều thân;
Nằm vị cô-đơn ở mộ-phần...
Đá chận vắng xa, Ngài sống lại!
Ra tay cứu-vớt cả muôn dân.

II. Muôn dân quên-bỏ Đấng Công-bình;
Cuộc thế bày bao cảnh khiếp-kinh!
Chúa sống lại thương, truyền-bảo rõ:
«Môn - đồ! Hãy kíp giảng Tin-lành!»

III. Tin-lành có Chúa sống muôn đời.
Thân Chết ơi, mày phải phục oai!
Kẻ cậy Jê-sus, không sợ chết,
Linh-hồn chắc được đến Thiên-dài.

IV. Thiên-dài, ấy cõi phước vô-song,
Hết cảnh tang-thương, cạn lụy hồng.
Tĩnh-thức, ta chờ Chờn-Chúa đến,
Thân hèn khỏi chết, cất lên không!

—*Đô-đức-Tri.*

CON BƯỚM

(Hình-bóng về sự sống lại)

HI-VỌNG quý-hóa nhứt của chúng ta là gì? Tức là sự tái-lâm của Đức Chúa Jêsus !

Chính Ngài sẽ từ trên trời xuống, gọi Hội-thánh lên gặp Ngài giữa các đám mây. Người tín-đồ chết rồi sẽ sống lại, và về sau người tín-đồ chưa chết sẽ được cất lên trong giây-phút. (I Tê 4 : 16, 17 ; I Cô 15 : 51, 52, v.v.).

Khi chúng ta thấy Ngài, chúng ta sẽ thành ra giống như Ngài, có thân-thể sáng-láng rực-rỡ như Ngài, chẳng hề mệt-mỏi đau-ốm nữa. Hãy suy-nghĩ nhiều về Phi-líp 3 : 21 và I Giăng

thành ra con bướm đẹp-đẽ, bay-lượn vui-vẻ trong vườn hoa, hoặc nơi cao sáng-láng. Trước kia, người



3 : 2. Thân-thể chúng ta sẽ được hóa hình và giống như Ngài đời đời. A-lê-lu-gia !

Ở dưới đời này có bao nhiêu là việc buồn-bực khó chịu ; vậy nên Chúa đặt ở trước mặt chúng ta nhiều hình-bóng về sự sống lại, để nhắc lại luôn luôn về sự vui-mừng hầu đến. Tháng này THÁNH-KINH BÁO xin nói chuyện với các em về con bướm, là một hình-bóng rõ-ràng chỉ về sự sống lại.

Khi trước và khi sau

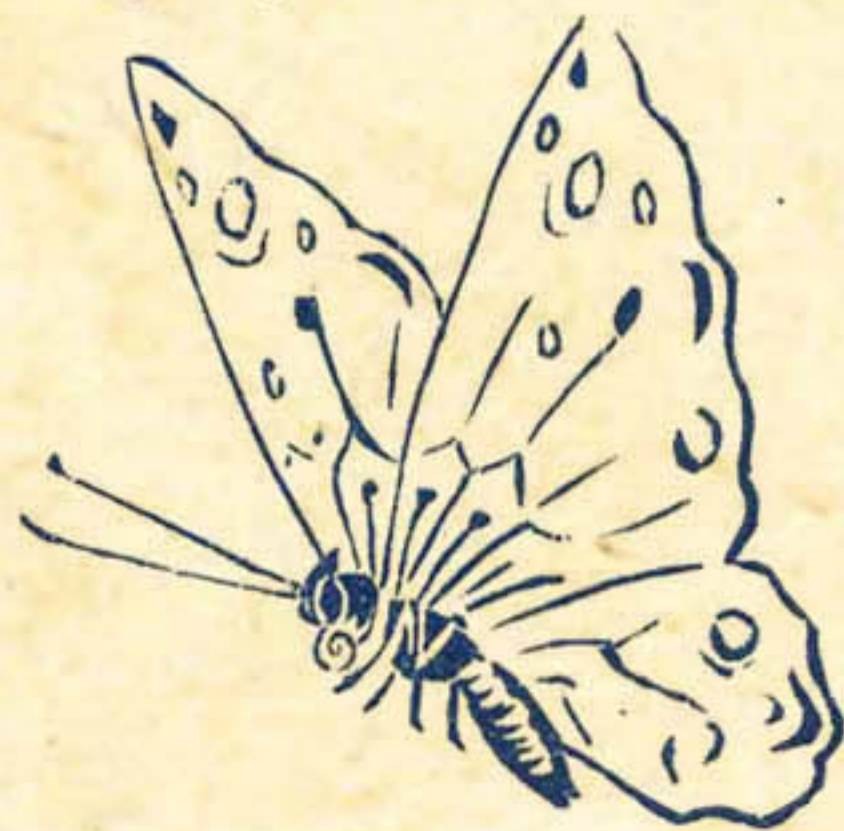
Trước kia, con nhộng là vật hèn-hạ, xấu-xí, yếu-đuối và không bay được ; chẳng có ai để ý đến nó. Về sau, nó hóa hình,

tín-đồ có xác-thịt cũng không bay được, có lẽ xấu-xí, không đẹp, yếu-đuối, hèn-hạ ; nhưng khi Chúa tái-lâm, họ sẽ trở nên đẹp-đẽ, không hay hư-nát, khỏe-mạnh tròn - vẹn, cũng bay được.

Hai thứ bướm-bướm

Có hai thứ bướm-bướm : Một thứ chỉ bay ban đêm, không thích ánh sáng, tìm lương-thực nơi tối-tăm, làm hại bao nhiêu đồ-vật ở nhà ! Nó cũng bay chung-quanh nơi ngọn đèn, đến nỗi thường bị chết cháy !

Con bướm này chỉ về gì ? Chắc là chỉ về hạng người chưa tái-sanh, hay thích sự tối-tăm (Giăng 3 : 19, 20). Họ nuôi lương-tâm bằng các tiểu-thuyết xấu-xa, và chẳng có ích-lợi cho thiên-hạ. Dầu họ không chịu ánh sáng của



Đức Chúa Trời, nhưng họ hay tìm-kiếm «ánh sáng giả-dối» bởi tay người làm, như ngọn đèn, tức là các đạo ra từ trí-khôn tự-nhiên của người ta! (Êph. 5 : 8).

Còn một thứ bướm-bướm nữa, là thứ bướm-bướm hay bay ban ngày, chỉ thích ánh sáng, tìm món ăn khi trời nắng mà thôi (Mal. 4 : 2). Con bướm này chỉ về chúng ta, là «con của ban ngày» (I Tê 5 : 5). Vậy, Chúa sẽ tiếp-rước chúng ta lên nơi sáng-láng, vinh-quang, vui-vẻ mãi mãi. «Thật là nơi rất vui bầy !
Vinh-hiền, sáng-chói, yên-vui thay !
Chúa hứa cho kẻ yếu-đuối đây,
Thì người ở đó luôn.»

(Thơ thánh 178)

Hóa hình mau-chóng

Theo loài, con sâu trở nên con bướm-bướm mau lắm, chỉ mất năm phút để ra khỏi «mồ-mả» của nó ! Nhưng chúng ta sẽ được hóa hình mau-chóng hơn: chỉ trong nháy mắt thì sẽ thành ra sáng-láng như Đức Chúa Jêsus vậy (I Cô 15 : 51, 52).

Người gian-ác sẽ sống lại. Đến ngày đoán-xét (một ngàn năm về sau), họ sẽ đứng trước tòa-án của Đức Thượng-Đế, như có chép rất rõ trong Khải-huyền 20 : 6-15. Việc ấy là như «con bướm ban đêm» ra khỏi «mồ-mả.»

Ra từ đất ! Lên từ mả !

Vài thứ sâu (sẽ trở nên «con bướm ban ngày») hay chui trong đất, hoặc trong bụi để thay-đổi hình. Cũng vậy, khi Chúa tái-làm, người tín-đồ sẽ ra từ mồ-mả.

Lên từ cây-cỏ !

Còn những thứ «bướm-bướm ban ngày» khác thì khi sắp trở nên con bướm, liền tìm ngọn cây hoặc mái nhà mà thay-đổi hình. Ấy cũng như người tín-đồ còn sống, còn ở trên mặt đất, khi Đức Chúa Jêsus từ trên trời xuống.

Thấy mờ-mờ hay thấy rõ-ràng ?

Theo lời các nhà bác-học, thì con sâu có mười hai con mắt, nhưng nó chỉ

thấy mờ-mờ mà thôi, chớ không nhìn-xem được rõ. Vậy, trong thế-gian này, dầu loài người dùng trí-khôn mà chế-tạo được nhiều điều lạ, nhưng cũng không thấy rõ các điều cao-thượng của Chúa được. Thật trong đời này chúng ta giống như con sâu có con mắt lờ-dờ quá !

Các nhà bác-học lại nói rằng con bướm có từ một vạn đến hai vạn con mắt ! Thoạt mới nghe, thì lời đó dường như khó tin ! Nhưng thử dùng kính hiển-vi mà xem-xét, thì mới biết lời ấy là đúng. Những con mắt này ở quanh hai quả cầu trên đầu, nên con bướm có thể trông thấy ở trên, ở dưới, và chung-quanh mình nữa. Đây là thí-dụ Đấng Tạo-Hóa đã làm nên cho chúng ta, về sự khôn-sáng lạ-lùng của chúng ta đời sau ! Con mắt vẫn chỉ về sự hiểu thấu, như trong Khải-huyền 4 : 6, v. v. Vậy, khi sống lại, chúng ta sẽ hiểu rõ mọi điều chung-quanh, ở dưới đất, hoặc ở trên trời (I Cô 13 : 12).

«Đời này tôi nhìn Ngài cách mờ-mờ,
Qua cái màn che treo ở giữa,
Mà đời sau sẽ được trông thấy Ngài,
Khi vinh-hiền Chúa sẽ sáng-sủa.
Tôi sẽ thấy Chúa, đối mặt cùng Chúa,
Ở chốn cao hơn ngôi sao trời ;
Đối mặt với Christ, rất vinh-hiền thay !
Trong thiên-đàng chắc sẽ thấy Ngài !»

Muốn đi hay muốn bay ?

Phần nhiều con sâu có sáu chơn trước và mười chơn sau. Khi trở nên bướm, thì nó mất mười chơn sau (chỉ còn sáu chơn). Con bướm có thể đi, nhưng nó thích bay, có cánh lớn và đẹp lắm.

Cũng thế, khi chúng ta được hóa hình lúc Đức Chúa Jêsus tái-làm, thì chúng ta sẽ tùy ý muốn đi chơn ở dưới đất này cũng được, nhưng mà sẽ có quyền-phép mà bay đi cao hơn các tầng trời. (Chắc rằng chúng ta sẽ đi được như Đức Chúa Jêsus khi Ngài đã sống lại. Ai muốn rõ, xin đọc kỹ-càng Lu-ca 24, Giăng 20 và 21. Chúng ta không có cánh, nhưng muốn đi đâu đều được cả, cũng như Ngài vậy).

(Coi tiếp cuối trang 146)



Chim già mỗi cánh phong-trần,
Chim non quyết phải đem thân đèn-bồi.
Kia, xem nó mớ m trả mồi,
Tắc lòng liến-thảo xui người cảm-thương!

ĐÀN gà trống thi nhau gáy. Chúng nó dường như đánh thức nhà nông trở dậy làm-ăn. Bọn thợ gặt, cơm nước xong, cầm liềm ra đồng, vừa đi vừa hát, hăng-hái như quân-lính ra trận. Trong túp nhà tranh, hai mẹ con Na-ô-mi quì gối bên giường, thiết-tha cầu-nguyện Đức Giê-hô-va cho mình đủ bánh nuôi thân. Đoạn, họ ăn nắm lúa rang lót dạ, rồi Ru-tơ giắt dao xách thúng ra đi.

Biển lúa chín vàng, dập-dờn trước gió, hồ công ai bấy nay chơn lấm tay bùn. Bọn con gặt tản ra mọi chỗ, giở liềm cắt lúa, chẳng khác chi các viên đồng-tướng xông-pha mặt trận, giết quân thù như trở bàn tay. Biết Ru-tơ là bậc dâu hiền, họ tranh nhau để nàng mót lúa. Nàng là một người tài-sắc, đáng lẽ không phải làm việc hèn-hạ này, song vì muốn trọn đạo đối với mẹ chồng, nên nàng chẳng quản thân mình vất-vả.

Mặt trời đứng bóng; bọn thợ dừng tay, nghỉ một lát, chuyện-trò cho khuây nổi nhọc-nhăn:

—Này cô Ru-tơ, «hoa xuân đang độ tươi-cười; hại thay, làm vợ con người cừu-nguyên!» Chúng tôi tưởng khi mãn tang, cô nên tìm người phải lứa vừa đôi mà nối duyên cầm-sắt. Cô nghĩ sao?

Ru-tơ đỏ mặt, ngập-ngừng, muốn nói lại thôi...

—Thế nào? Cô cứ nói...

—Trước khi lấy chồng, lòng tôi những mong lập một gia-đình vui-thú, vợ chồng sum-họp cho đến bạc đầu; chẳng dè phận hẩm duyên ôi, lòng mong-ước ấy trở thành giấc mộng! Thôi, «sự đời đã tắt lửa lòng, còn chen vào chốn bụi hồng nữa chi!» Bây giờ tôi như con chim đã phải cung bắn rồi, sợ không dám ngó làn cây cong nữa. Vậy, xin cảm ơn các chị em có lòng tốt hỏi đến, song tôi không muốn nói tới chuyện chồng con cho thêm phiền.

Một bà cao tuổi nhứt nói thêm:

—Cô ở nước ngoài mới đến, chưa thông luật-pháp nước tôi. Nếu người nào chết không con, thì một anh em ruột người phải cưới vợ người. Đứa con đầu lòng nàng sanh ra sẽ nối danh người. Ví bằng người không có anh em ruột, thì một bà-con gần nhứt của người phải làm bôn-phận kia. Đức Giê-hô-va ban mạng-lệnh ấy vì muốn tên tuổi mỗi người Giu-đa được lưu-truyền mãi mãi. Vậy nên cô cần cải-giá với một người bà-con gần nhứt của nhà chồng, mới là trọn đạo cùng Chúa và vẹn nghĩa cùng chồng... Kia, ông chủ đã đến!

Mấy chục cái đầu cùng ngược, mấy chục con mắt đều nhìn: Ông Bô-ô thân cao, sức mạnh, mặt lớn, tai to, ăn-mặc tầm-thường, dáng đi chững-chạc; theo sau có vài kẻ đem cơm cho

thợ ăn trưa. Ông là bậc phú-quí nhứt nhì trong thành. Ông giàu của-cải, mà cũng giàu tình yêu-thương, giàu đức khiêm-nhường, nên hay bố-thí cho người nghèo-khổ. Bàn tay từ-thiện kín-giấu của ông khiến lắm kẻ đau được mạnh, đói được no; song họ chẳng biết tìm ai mà cảm-tạ. Dầu có chức lớn trong thành, ông vẫn coi mọi người như thể anh em. Ông thường nói: «Thấy ai hơn ta, ta phải cố cho bằng họ; thấy ai kém ta, ta phải giúp cho họ bằng ta.»

Bữa nay ông nhàn-rỗi, nên cất bước ra đồng, chăm-nom công-việc. Đến gần đám thợ gặt, ông vui-vẻ chúc-mừng:

—Nguyễn Đức Giê-hô-va ở cùng anh em chị em!

Họ đáp:

—Nguyễn Đức Giê-hô-va ban phước cho ông!

Ông thấy có một nàng hương trời sắc nước xen vào bọn người thô-lỗ quê-mùa, bèn hỏi nhỏ một người thợ gặt:

—Nàng là con nhà ai?

Người đáp:

—Nàng vốn người Mô-áp, theo mẹ chồng, là bà Na-ô-mi, đến ở thành này. Vì cảnh nhà nghèo-túng, tiền hết, gạo không, nàng phải đi mót lúa để đem về nuôi mẹ. Nàng làm việc từ sáng, rất dỗi nhọc-nhẫn, vậy mà nàng vẫn ca-hát, tươi-cười, đủ biết trong lòng nàng có mạch bình-tĩnh, vui-mừng, không hề khô-cạn.

Vừa kính-trọng, vừa thương-xót, ông đến trước mặt Ru-tơ, cúi chào mà rằng:

—Nghe qua thân-thể của cô, tôi đầy hết lòng kính-phục. Tôi thiết nghĩ: Chúng ta sống ở đời, chẳng những không nên cắn-xé, ăn-nuốt lẫn nhau như loài cầm-thú, song lại còn phải cứu-giúp, đỡ-dần lẫn nhau trong cơn nguy-biến, mới là phải đạo. Như vậy, trông lên mới khỏi then cùng trắng sao sáng-láng, ngó xuống mới không hổ với hoa cỏ tốt-tươi. Muốn làm theo ý-tưởng đó, tôi bằng lòng để cô mót lúa ruộng này. Tôi đã cấm bọn đầy-

tớ làm khó cho cô, xin cô cứ yên lòng làm việc.

Ru-tơ khếp-nếp trả lời:

—Thấy ông giơ tay cứu kẻ sa cơ, phận hèn này xin hết lòng cảm-tạ. Nhưng theo trí hẹp óc nông của tôi, thì ông nên làm ơn cho người cùng xứ, chớ chẳng cần làm phước cho tôi, là kẻ thuộc về dân ngoại.

—Nói vậy thì lầm. Chắc cô chưa nghe câu: «Dầu không cùng nước, cùng nhà, người trong bốn biển cũng là anh em.» Người đời hay phân-biệt nước này, xứ khác, giống nọ, nòi kia, thật là tầm mắt thấy hẹp. Cứ xét cho kỹ, nghĩ cho sâu, thì không cứ đông, tây, nam, bắc, vàng, trắng, đỏ, đen, mọi người đều chung một tổ. Vậy, phải che-chở đùm-bọc lẫn nhau, mới trọn nghĩa «yêu người như mình» chớ!

—Lời vàng tiếng ngọc này chẳng khác ngọn đèn chiếu-rọi tấm lòng ngu-tối của tôi. Tôi xin ghi-tạc cái tình bác-ái của ông, mong có dịp báo-đền muôn một.

—Mời cô đến ngồi cùng bọn thợ, soi cơm, soi nước cho mát ruột, no lòng.

Đoạn, Bô-ô đưa cho nàng một đấu mạch rang. Nàng giơ hai tay nhận-lãnh, cảm ơn ông, rồi đổ một nửa vào góc thúng, bấy giờ mới ăn hết nửa kia. Một người thợ gặt hỏi:

—Sao cô không ăn hết, còn để lại làm chi?

—Dầu tôi được no, song nhớ mẹ chồng tôi ở nhà đang đói, nên tôi phải dành-giùm ít nhiều để đem về nuôi mẹ.

—Đời này hiếm kẻ như cô. Vô-số người chỉ thương chồng, quý con, song bỏ cha mẹ chồng, chẳng hề nhìn tới.

Ăn xong, Ru-tơ lại xuống ruộng, vừa mót lúa, vừa hát các bài thi-thiên mà mình đã học thuộc lòng từ khi còn ở trong miền Mô-áp. Bô-ô sẽ dặn bọn đầy-tớ rằng:

—Thấy kẻ hiền-lương gặp bước gian-nan chìm nổi, ta muốn gắng công giúp-đỡ cho vẹn đạo làm người. Vậy, các người cứ cho nàng mót, và giả-dò làm

rót ít gié đề nàng lượm lấy đem về nuôi-nấng bà gia. Chớ làm cho nàng xấu-hổ, cũng đừng quở-trách nửa lời.

Ông ưả bỗ-thí, song hăng giầu tay, thật đáng ngợi-khen, kính-phục.

Trời nhuộm màu vàng, chim về tổ, thợ dừng tay. Ru-tơ đập lúa, hứng được vài đấu. Nàng lâm-râm cảm-tạ Đấng Toàn-năng đã ban phước dư-dật, rồi đội thúng, trở về nhà.

Na-ô-mi đứng trên bậc cửa, vừa chờ-đợi nàng dâu, vừa ngậm-ngùi nhớ kỷ dĩ-vãng. Bụng đói, miệng khát, nhưng thấy mặt Ru-tơ, bà cũng gương sấu làm vui, ngỗ hầu giục lòng con hiếu. Tưởng mẹ đã quên mọi mùi cay-đắng, nàng cũng chẳng nhớ những nỗi nhọc-nhân. Nàng đồ mạch rang vào chén, cúi đầu dâng đề mẹ soi.

Bà Na-ô-mi cảm-động mà rằng :

—Con mót lúa nơi nào ?

Ru-tơ đáp :

—Thưa, trong ruộng Bô-ô.

—Người đối-đãi con thế nào ?

—Thưa, người đối-đãi con nhơn-hậu quá ý con suy-nghĩ.

—Ồ, cảm ơn Chúa, thấy người hiền-đức, ta lại tưởng đến Ngài, vì ân-diễn Ngài vượt quá lòng ta trông-đợi: Ta xin một, Ngài cho mười. Á con, bây giờ ta mới nhớ... Kể về dòng-họ, thì Bô-ô là một người có quyền cười con đề nổi danh cho nhà ta.

Ru-tơ gục đầu, khóc nức-nở :

—Thưa mẹ, con lia-bỏ quê cha đất tổ, theo mẹ về đây, cốt đề làm vẹn đạo hiếu,

nào phải mong đề nổi dây cầm-sắt cùng ai ? Bởi vậy, mỗi khi nghe nói chuyện cải-giá, linh-hồn con đau-đớn vô-cùng, luống những xót-thương người đã khuất.

Na-ô-mi tươi-cười, vuốt-ve mái tóc và lau ráo nước mắt cho nàng dâu, rồi nói :

—Đấng Toàn-năng chắc soi-xét tâm lòng trong-sạch của con ; song nếu con thương-nhớ kẻ qua đời, ắt phải lo lưu-truyền tên tuổi cho người mới được. Vả, đó là ý-chỉ Đức Giê-hô-va, con phải vâng theo.

—Trưa nay, lúc đang dùng bữa, con thấy chim quạ mớm mồi cho mẹ nó đề báo-đền công cả đức dày. Chim còn như vậy, huống hồ người ta ? Đối với mẹ, con tuy là nàng dâu, song khác nào con đẻ. Nếu con cải-giá, ai lo hầu mẹ sớm hôm ?

—Thấy con lại hưởng lạc-thú gia-đình, ta hẳn thỏa lòng ao-ước. Con chớ lo đến ta. Thân già này đã phó-thác trong tay Đấng Toàn-năng, chắc Ngài chẳng để ta đói khát. Con ơi, «trước ta trẻ, rày đã già, nhưng chẳng hề thấy người công-bình bị bỏ, hay là dòng-dõi người đi ăn-mày» (Thi 37:25). Ta không ép-uồng con, vì «ép dầu, ép mỡ, ai nỡ ép duyên?» Song, nếu con chẳng đổi ý, thì gánh đau mẹ thêm nặng, thành thảm mẹ thêm cao, đó con !

Ru-tơ ngừng mặt, gương cười, đáp lại :

—Ý mẹ đã quyết, con đâu dám trái lời...
(Còn tiếp)

BỊNH NÓNG CỦA TRẺ CON

TA nên cẩn-thận giữ phép vệ-sanh, hết sức ngăn-ngừa tật-bệnh cho trẻ. Lỡ khi trẻ con phát bệnh nóng, nếu ta biết cách ngừa và chữa, thì khỏi bối-rối, ít tổn tiền, mà con mau được mạnh-khỏe. Bằng không, ắt lo-sợ, phí tiền, mà con nay đau mai ốm, có khi phải chết nữa !

Tôi không phải là thầy thuốc, song nhờ từng-trải mà biết được đôi chút.

Vậy, tôi biết bao nhiêu, xin làm chứng ra đây bấy nhiêu đề giúp ích một vài chị em cũng thất-học như tôi.

Tôi sanh bốn con. Trước kia, tôi chưa biết cách, nên bỏ mất một đứa đầu lòng. Về sau, nhờ Chúa soi sáng cho, và cũng nhờ gần-gũi với mấy ông bà biết nuôi con, tôi được hiểu cách săn-sóc, nên mấy đứa sau được mạnh-khỏe luôn, dầu có đau cũng ít.

Phòng bệnh và chữa bệnh.—Khi thấy con trẻ yếu bú, yếu ăn, ít cười, thì ta rờ đầu nó, chắc hơi ẩm-ẩm. Tức thì ta phải bắt nó cử bú hay kiêng ăn. Nhỏ thì cử vài giờ, càng lớn càng cử lâu hơn. Cái đều sai-lầm mà ta quen nhiệm, là khi con đau, lại còn cứ ép nó bú, ép nó ăn. Chúa đã đặt công-lệ, hễ mình nóng thì miệng hôi, bú không được, ăn không được. Vì chưng bao-tử mệt-nhọc, khó làm việc tiêu-hóa, nên ta cần phải để cho nó được nghỉ một ít. Nếu có ăn thì ăn đồ mềm và ngọt mà thôi. Phần nhiều các bà xưa hễ thấy con đau, thì cứ ép ăn cơm với đồ thiệt mặn, và nói: «Rán ăn thì mạnh. Cơm nuôi, chó ai nuôi?» Sự ấy thiệt có hại. Nhiều khi bệnh ít hóa ra nhiều vì đó.

Hai cách làm cho trẻ thông đại-tiện.—Nếu em nhỏ nóng quá, hoặc làm kinh, hay lạnh tay chơn, thì ta phải mau mau làm cách nào cho nó thông đại-tiện. Có hai cách tôi thường dùng và thấy công-hiệu:

1^o Lấy xà-bong, chuốt một khúc bằng đầu đũa ăn, dài chừng ba phân tây, làm cái đầu cho nhọn, rồi thấm một chút nước, đút ngay vào hậu-môn em trẻ. Đút cho sâu, kéo ra kéo vào chừng mười lần, rồi rút ra. Nó liền

thông và đi đại-tiện được; như vậy sẽ nhẹ bớt tức-thì.

2^o Dùng cái bơm cao-su của nhà thuốc tây bán, mà bơm nước chín (phải để hơi ẩm-ẩm) vào ruột nó, để cho nó tiêu ra. Cách này phải học trước mới biết làm.

Thuốc xổ.—Nếu trong ruột kết-bón, con nít mỗi ngày không đi tiêu, thì vài bữa sau cũng phát nóng. Vậy, phải cho nó uống thuốc xổ, hoặc dùng bơm mà bơm, kéo nó phát đau thì chữa khó. Nếu dùng thuốc xổ, thì phải cẩn-thận, chớ dùng tin mấy thứ thuốc xổ của khách-trú bán, thấy uống một chút, xổ cả ngày, mà vội khen rằng hay đâu. Tôi tưởng chỉ có dầu thù-đu (*huile de ricin*) là thứ thuốc xổ đáng tin-cậy. Dầu ấy các nhà thương đều có cho và các nhà thuốc đều có bán. Ở Chợ-lớn, ông Trương-văn-Bền có làm và bán rẻ lắm. Song le, trước khi dùng, phải hỏi thầy thuốc tây để biết cái liều uống, phải kiêng-cữ gì, và bao nhiêu tuổi thì uống bao nhiêu dầu.

Kết-luận.—Dầu làm theo cách này hay cách kia, đó là sự khôn-ngan của mình, nhưng sự chữa bệnh do Đức Giê-hô-va mà đến. Vậy, ta phải theo Gia-cơ, đoạn 5, mà xưng tội và cầu-nguyện.— Bà Phan-văn-Hiện.

CON BƯỚM (Tiếp theo trang 142)

Mời các em soi cơm thiêng-liêng

Con sâu hay ăn, nên lớn mau lắm. Ta muốn lớn lên cách thiêng-liêng, thì nên học Kinh-thánh nhiều. Kinh-thánh là món ăn ngon của linh-hồn ta.

Phí công!

Tơ-lụa bởi con tằm mà có. Con tằm lại hóa ra «con bướm ban đêm.» Cả đời con tằm cố sức làm tơ, nhưng đến đời sau, nó không cần-dùng tơ nữa; thật chỉ phí công! Người đời cố tìm của-cải, nhưng đến khi chết, chẳng dùng nó được!

Hình không đẹp

Con sâu không đẹp. Người ta so-sánh với thiên-sứ cũng không đẹp; song

khi Chúa tái-lâm, ta sẽ trở nên rất đẹp!

Tai-vạ ở dưới đất

Kinh-thánh chép sâu-bọ gây nên tai-vạ lớn lắm, nó làm hại mùa-màng (Giô-suê 1:4, v. v.)! Nhưng con bướm chẳng hề làm hại. Cũng vậy, ta thấy suốt bộ lịch-sử loài người, trang nào cũng có chuyện người nầy nghịch cùng người khác; nhưng khi Chúa tái-lâm, sẽ có sự bình-yên, vui-mừng trọn-vẹn.

Càng nghĩ về điều nầy, ta càng thỏa-thích. Nguyên Chúa cho chúng ta dự tiệc ngon ở đời nầy, tức là học Kinh-thánh nhiều! Rồi sau chúng ta sẽ được sống lại và hưởng phước lành đời đời. A-men!—Chị Hoa-Hồng.



Lính giỏi mở đàng

Lịch-sử các nhà truyền-giáo trú-danh



FRANÇOIS COILLARD

CHƯƠNG THỨ BA

VẮT! VẮT! ĐI ĐI!

(Tiếp theo)

MASONDA cầm riu, ngấm-nghía, rồi nổi giận phừng phừng, ném ra đàng xa, hét lên rằng :

—Ông da trắng cứ việc giữ lấy cái riu! Tôi muốn một cây súng và nhiều đạn kia mà.

Dứt lời, hăm vình-váo ra đi.

Trời tối, trăng chưa mọc, nhưng sao đã lấp-lánh. Các vị tinh-tú đó nói với *Coillard* về tình yêu-thương vô-hạn của Đức Chúa Trời, về Ngài hằng săn-sóc con-cái Ngài khi họ làm theo ý-chỉ Ngài. Dưới bóng che-chở của Đức Chúa Cha, nhà truyền-giáo thấy mình bình-yên trọn-vẹn.

Masonda lui về nơi bộ-hạ hăm chụm lửa, rồi nhóm tại đó một quân-sự hội-nghị rất nghiêm-trọng.

Lúc ấy, *Eléazar*, *Asser* và các đồng-bạn nài-nỉ bà *Coillard* :

—Mẹ ơi, mẹ ơi, xin thưa với chủ rằng chúng nó xin cái gì, hãy cho cái ấy, rồi ta đi cho rảnh.

Bà nhin-nhục, nhưng vững-vàng bày-tỏ cho họ biết vì sao phải bác lời *Masonda* nài-xin :

—Chúng ta rao-truyền sự bình-an, nên không muốn gieo vạ chiến-tranh cho chi-phái này hoặc chi-phái nào khác.

Thình-lình một sứ-giả đen thui hiện đến, đứng khuất lối vào trại, nói rằng :

—Viên tù-trưởng muốn ăn thịt và truyền ông đem thịt dâng cho ngài.

Thế là bao nhiêu thịt sang tay chủ-nhơn hết cả. Nhà truyền-giáo thăm

ngĩ : «Có lẽ lòng tử-tế cứu-vãn được tình-hình này.» Vậy, ông đến gần đồng lửa, ngồi cạnh *Masonda*, rồi hai người trò-chuyện. Ông vừa nói, vừa ngó lên núi, thấy vò-số bóng đen qua lại, lền vào các bụi rậm ở chung-quanh trại. *Coillard* nói với viên tù-trưởng :

—Khuya rồi, mà trong lúc tối-tăm, đường về làng ông lại nguy-hiểm. Nếu ông bằng lòng, thì ngày mai chúng ta sẽ lại trò-chuyện.

Masonda nói lớn :

—Vậy, ông hãy cho tôi một con chó!

Coillard sai đem cho hăm một con.

—Tôi muốn lấy hai con kia!

Người ta đem cho hăm một cặp.

—Hai con này nhỏ quá!

Coillard định cho hăm con chó yêu-quí, tức là con chó săn đẹp-dẽ, mới mua ít lâu. *Masonda* nói :

—Tôi không thích con cho này; hãy cho tôi con khác.

Sau nhà truyền-giáo nổi giận, nói rằng :

—Không, tôi không cho ông con khác.

Viên tù-trưởng da đen bèn đứng dậy :

—Ngày mai tôi sẽ đến bắt chó; bấy giờ... ông sẽ coi!

—Vậy, tôi sẽ đi trước lúc ông đến.

Viên tù-trưởng đi khỏi, mặt nhăn-nhó, ra vẻ căm-hờn, khinh-dể. Hăm leo núi, và này, trong cõi tối-tăm, bọn tùy-tòng hăm cầm mấy bó đuốc sáng rực. Bọn bóng tối mờ vầy quanh trại lần lần giải-tán, rồi bốn bề yên-lặng.

Nhưng tiếng ngấm-dọa «ngày mai

kia vẫn vang-dậy bên tai *Coillard*, nên mọi người trong trại cầu-nguyện gần suốt đêm. Sự cầu-nguyện là phương-pháp dự-bị tốt nhất để bước qua ngày mai đầy-dẫy lo-sợ.

Trước khi mặt trời mọc trên dốc núi lớn, ba chiếc xe đã sẵn-sàng đi. *Coillard* hò: «Vắt! Vắt!» Máy cặp bò to bèn bước chậm-chạp. Nhưng họ đi chưa xa, thì dân *Banyais* từ mọi ngả chạy tới, la-hét dữ-dội ghê-gớm, vì thấy mất mồi; chỉ trong giây-lát, chúng giữ đoàn viễn-hành lại và bỏ vây họ.

Masonda hiện ra trên một dốc đá vừa mùa giáo, mùa tay, vừa gân cổ mà la-hét lên rằng:

— Cho ta chó! Cho ta mền! Cho ta đạn! Chó, mền, đạn! Mau!

Đoạn, cả toán chiến-sĩ cùng hùa nhau nói:

— Đạn, đạn! Mau!

Coillard đáp rằng:

— Chó đây. Còn mền, tôi đã cho các ông mấy chiếc rồi. Đến như đạn, thì chúng tôi không phải là lái buôn, hoặc phường săn, hoặc chiến-sĩ, nên không có mà bán hoặc cho. Nếu không bằng lòng nhận con chó, thì đây, xin lấy một bò, rồi để chúng tôi đi bình-an.

Viên tù-trưởng nói:

— Chà, một con bò thì tốt hơn đôi chút; để tôi lựa-chọn.

Hắn có vẻ thỏa-mãn vì chiếm được con khỏe nhất. Cả đoàn truyền-giáo lại lên đường.

Nhưng đằng sau, chi-phái *Banyais* vẫn theo dõi, vừa đối-nghịch, vừa ngăm-dọa. Xe cứ đi. Đi đâu? Không biết, vì *Coillard* không có kẻ dẫn đường. Đoàn viễn-hành lạc vào đèo. Thành-linh tới một đồng lầy, các bánh của một xe nặng hơn hết lún xuống bùn.

Bò kéo hết sức, nhưng vô-ích, xe

càng lâu càng lún xuống bùn lầy.

Coillard thẳng thêm bò, song xe vẫn không nhúc-nhích. Cả đoàn bắt tay làm việc, lượm nhánh cây, cục đá, cố dùng mọi cách để kéo bánh xe khỏi bùn. Nhưng không sao làm cho êm được. Người *Banyais* lại chạy tới hàng đoàn hàng lũ, hươu dao lớn, múa giáo dài.

Masonda được tin *Coillard* gặp bước rủi-ro, liền kéo binh đến. Cả bọn nhảy lên xe mà cướp-phá, dụng chi

lấy nấy. Chỉ-huy cuộc cướp-phá, có một người cao-lớn không bận quần áo, chỉ nai-nịt hăn-hơi. Hắn làm thầy pháp. Càng lâu càng náo-loạn, và càng có người *Banyais* từ trên núi xuống. Rốt lại, bộ-hạ của *Coillard* cầm súng, nói rằng:

— Thưa thầy, chúng tôi sẽ bắn, vì quân mọi-rợ này sẽ giết hết chúng ta và gia-quyển chúng ta. Xin thầy cho chúng tôi cự-dịch; ít nữa xin để chúng tôi chết-như bậc tu-mi.

Nhà truyền-giáo đáp:

— Không, nếu ta phải chết, thì nên chết như tín-đồ Đấng Christ. Anh em đến đây để cứu họ, chứ có phải để giết họ đâu. Hãy tin-cậy Đức Chúa Trời. Ngài sẽ giải-cứ chúng ta. Nín-chịu còn khó hơn chiến-đấu bội phần. Dầu vậy, ta cứ nín-chịu.

Đoạn, ông chạy ra, cố ngăn-cản cuộc cướp-phá, bèn gặp vợ và bọn con nít quì dưới bóng một chiếc xe mà cầu-nguyện, vẻ mặt bình-yên, tin-cậy. Thấy vậy, bọn đờn-ông cảm-biết mình được giục lòng, bổ sức, nên càng cố làm việc bội phần ở chung-quanh chiếc xe đã lún xuống bùn. Nhưng người *Banyais* lại bắt đầu xâm-hãm, cướp-phá càng ghê-gớm hơn. Chúng cũng bắt đầu bắn tên. *Coillard* thất-kinh



FRANCOIS COILLARD (1834-1904)

bởi thấy nhiều chiến-sĩ của *Masonda* chiếm mất thùng đạn, rồi giơ rìu bổ thật mạnh. Chỉ trong một giây đồng-hồ, sẽ có tiếng nổ ghê-gớm tuyệt-diệt cả đoàn viễn-hành và bọn thù-nghịch. Nhưng nạn ấy không xảy ra. Nhà truyền-giáo chạy lại; chúng thấy ông, bèn giải-tán một lúc. Chẳng bao lâu có người bàn bỏ chiếc xe đó. *Coillard* đánh liều truyền thắng thêm bò. *Masonda* nhơn dịp bắt mất mười bảy con.

Nhà truyền-giáo chỉ còn mấy con bò, nhưng cũng sửa-soạn để lại trầy đi, vì mặt trời đã xế. Ông biết rõ rằng nếu đêm khuya tối-tăm, nóng-nực, mà còn ở chốn này, thì sao khỏi chết? Sa vào tay bọn mọi-rợ kia, ắt bị tàn-sát. Phải lập-tức cố-gắng hết sức, vì trong miền nhiệt-đới, trời mau tối lắm.

Eléazar leo lên ghế xà-ích, vừa giơ roi quất bò đen-đét, đi-độp, vừa la: «Vắt! Vắt!» *Coillard* cũng quất: «Vắt! Vắt!» Mấy con vật can-đảm gắng hết sức bình-sanh để kéo,... nhưng xe chẳng nhúc-nhích. Bấy giờ, người *Banyais* hò-hét ghê-gớm, dức-lác om-sòm mà xông vào mỗi. Song, trước

khi họ áp tới, mấy cặp bò kinh-hoảng chồm lên, gắng sức một lần nữa, thì này, mấy chiếc bánh khổng-lồ lay-chuyển và xe chạy!

Bọn mọi-rợ kinh-ngạc, khiếp-sợ quá đổi, bèn lùi lại và nói lớn rằng:

—Thật là một phép lạ! Đức Chúa Trời của mấy người da trắng đã cứu họ rồi! Ngài mạnh hơn chúng ta!

Coillard xây lại phía *Masonda*:

—Này ông tù-trưởng, chúng tôi đi đây, Đức Chúa Trời chúng tôi là Thần độc-nhút. Ngài đã giải-cứu chúng tôi khỏi tay ông. Nhưng hãy coi chừng! Ông đã ăn-cắp bò của chúng tôi! Chúng nó không thuộc về chúng tôi, nhưng thuộc về Đức Chúa Trời! Chớ làm thịt, vì chẳng bao lâu Ngài sẽ buộc ông phải trả lại cho chúng tôi. Ngài sẽ đòi ông khai-trình về mỗi con bò!

Cách ít lâu, vua dân *Matebeles*, mà *Masonda* sợ-hãi và phải cống-hiến, truyền-day hấn phải trả lại *Coillard* hết thảy bò mà hấn đã ăn-cướp, không được giữ lại con nào.

Lời tiên-tri của ông da trắng được ứng-nghiem!
(Còn nữa)

CẢM-TƯỞNG VỀ NGÀY LỄ PHỤC-SANH

Nếu anh em được sống lại (Cò-lô-se 3 : 1)



A. B. SIMPSON

BẤY lâu Đức Chúa Trời chờ-đợi buổi sáng ngày lễ Phục-sanh này để chỉ-định thì-giờ thuận-tiện cho mỗi tấm lòng nong-nả và có ý tốt. Ngài chỉ-định bởi sức đụng-chạm của sự sống và quyền-phép, là hai cái sẽ cất-nhắc cuộc đời ta lên những lạc-thú tinh-thần cao-siêu hơn, lại sẽ cho ta thấy một khuôn-vòng rộng-rãi hơn về sự trông-mong và về sự hầu việc.

Ta chẳng cần tìm đâu xa mới thấy Đấng sống lại. Nhắm sáng ngày Phục-sanh, Ngài đoái thương mà đến gần người đi tìm Ngài sớm nhứt. Cũng vậy, nếu ta mở mắt để thấy Ngài, mở

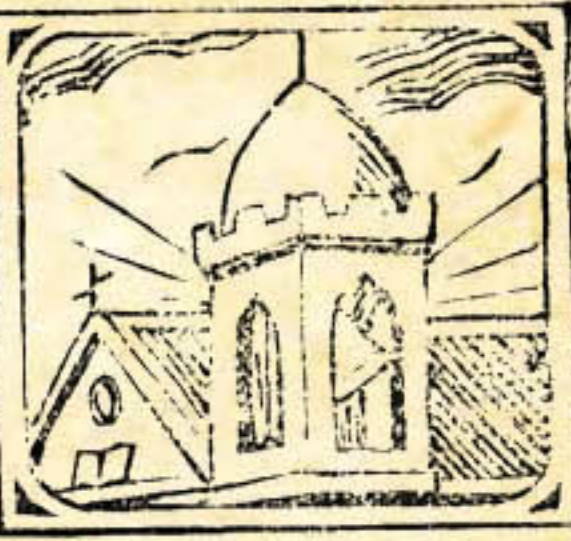
lòng để đón-tiếp và vâng-theo Ngài, thì Ngài đợi ta trước lúc rạng đông để vui-vẻ phán: «Mừng các người!» (Ma 28: 9).

Ngày lễ Phục-sanh này, Ngài truyền-day chúng ta thế nào? «Nếu anh em được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm các sự ở trên trời, là nơi Đấng Christ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời... Vì anh em đã chết, sự sống mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời.»

Ấy chẳng phải cùng chỗi dậy với Đấng Christ, nhưng là cùng sống lại với Đấng Christ. Ấy chẳng phải sự sống cũ dấy lên cao hơn một chút, nhưng là sự sống lại từ trong kẻ chết. Nếu chết, ắt sẽ sống lại. Nhưng có một điều, là ta thật chết với Ngài chừng nào, thì sẽ thật sống lại với Ngài chừng ấy.—A. B. Simpson.



BÀI HỌC NGÀY = CHÚA NHẬT =



1^{er} AVRIL, 1934

BÀ E. F. IRWIN

SỰ GIÁNG-SANH CỦA ĐỨC CHÚA JÊSUS

(Ma-thi-ơ 2 : 1-12)

**CÂU GỐC:—Người khá đặt tên là Jêsus, vì chính con trai ấy
sẽ cứu dân mình ra khỏi tội**

(Ma-thi-ơ 1 : 21)

LỜI MỞ ĐÀNG

SÁU tháng tới đây chúng ta sẽ học về những truyện-tích đã chép trong sách Tin-lành theo thánh Ma-thi-ơ. Đoạn thứ nhứt, câu một, đã tỏ ra đề-mục và ý-nghĩa của quyển sách này: «Gia-phổ của Đức Chúa Jêsus-Christ...» Vua của dân Giu-đa sanh ra, họ không chịu nhận Ngài, Ngài bị đóng đinh trên cây thập-tự, rồi sống lại và ngự lên trời. Sách Ma-thi-ơ tỏ ra Chúa Jêsus là dòng-dõi của Áp-ra-ham theo lời hứa của Đức Chúa Trời (xem Sáng 15 : 18; Hê 11 : 18; Ga 3 : 16), và cũng là dòng-dõi của Đa-vít nữa (Giê 23 : 5; Ê-sai 11 : 1-5). Vậy, chúng ta thấy rằng Đức Chúa Jêsus đã làm ứng-nghiem giao-trước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham và Đa-vít buổi xưa.

Đoạn thứ nhứt trong sách Ma-thi-ơ chép về gia-phổ của Đức Chúa Jêsus, từ Áp-ra-ham cho tới Giô-sép, là chồng của Ma-ri. Đến đời này, Thánh Ma-thi-ơ đã được Đức Thánh-Linh cảm-động, nên không chép rằng «Giô-sép sanh Đức Chúa Jêsus,» nhưng chép rằng: «Gia-cốp sanh Giô-sép là chồng Ma-ri; Ma-ri là người sanh Đức Chúa Jêsus, gọi là Christ.» Lại nữa, đến câu 20 cũng chép về sự giảng-sanh của Đức Chúa Jêsus là bởi quyền-phép của Đức Chúa Trời. Như vậy, chúng ta biết rằng Đức Chúa Jêsus là Con của Đức Chúa Trời. Thật Ngài là Đức Chúa Trời toàn-năng vậy (Gi. 1 : 1).

Chúng ta vừa mới học về «sự giảng-sanh của Đức Chúa Jêsus» trong ngày Chúa-nhật cuối tháng Décembre trước đây; vậy, tôi xin làm bài học này một cách khác. Tôi xin nhờ Chúa mà cắt nghĩa từng câu một để chúng ta được rõ ý-nghĩa.

Ma-thi-ơ 2 : 1—«**Tại thành Bết-lê-hem.**»

Thành Bết-lê-hem ở về phía nam thành Giê-ru-sa-lem, và cách thành ấy chừng 8 cây-số; Bết-lê-hem nghĩa là: Nhà chứa bánh. Có lẽ họ đặt tên như vậy vì tại đó có ruộng lúa mì nhiều lắm.

«**Vua Hê-rốt.**» Vua Hê-rốt là một vua rất tàn-nhân và hung-ác. Ông ấy không giống Đức Chúa Jêsus, là Vua thật của dân Y-sơ-ra-ên chút nào. Gia-phổ của Đức Chúa Jêsus tỏ ra cách trọn-vẹn rằng Ngài thật là Vua, vì Ngài là dòng-dõi của vua Đa-vít theo xác-thịt. Còn vua Hê-rốt không phải là người Giu-đa thật, ông chỉ được nhập-tịch dân Giu-đa mà thôi. Nước Rô-ma đã tôn Hê-rốt làm vua nước Y-sơ-ra-ên chừng 40 năm trước Chúa giảng-sanh. Năm 37, vua ấy chiếm lấy thành Giê-ru-sa-lem. Vua ấy thật có lòng hung-ác, ông có giết nhiều người trong các chi-phái, nghĩa là các người Ma-ca-ba-ên, và cũng giết đến vợ và ba con của ông nữa.

«**Có mấy thầy bác-sĩ ở Đông-phương.**»

Những bác-sĩ này có lẽ ở nước A-ra-bi, hoặc Ba-tư, hay là Ba-by-lôn, chúng ta không biết rõ.

Câu 2—«**Mới sanh tại đâu.**» Có lẽ ba bác-sĩ ấy tưởng rằng ai nấy đều biết có một Vua mới sanh ra như ba ông ấy đã biết.

«**Vua dân Giu-đa.**» Lời này làm cho ta biết ba bác-sĩ ấy là dân ngoại, chớ không phải dân Giu-đa.

«**Chúng ta đã thấy ngôi sao Ngài bên Đông-phương.**» Ngôi sao ấy là ngôi sao của Đức Chúa Jêsus, và chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời đã đặt ngôi sao ấy tại đó để chỉ đường cho ba bác-sĩ. Đức Chúa

Trời đã đặt nhiều ngôi sao ở trên trời để làm những dấu hiệu giúp cho những khách du-lịch (Sáng 1 : 14); vậy, Ngài há lại không đặt một ngôi sao để chỉ-dẫn đến nơi Con một Ngài sinh ra sao?

«**Nên đến dâng thờ-lạy Ngài.**» Ba bác-sĩ đã đến tìm Chúa để dâng tôn-trọng, kính-mến và thờ-phượng Ngài. Họ thật không biết rõ chính Ngài là Đức Chúa Trời, nhưng họ tưởng Ngài là một Đấng của Đức Chúa Trời sai đến.

Câu 3—«**Vua Hê-rốt... bối-rối.**» Vua Hê-rốt thường dùng nhiều thủ-đoan hung-ác để giữ vững ngôi đế-vương; bấy giờ ông nghe có một vua khác mới sinh ra, thì lấy làm bối-rối và sợ-hãi lắm. Ông sợ mất ngôi của mình, và cũng sợ vua ấy sẽ làm khổ mình cũng như mình đã làm khổ nhiều người khác.

«**Cả thành Giê-ru-sa-lem đều bối-rối.**» Ta tưởng rằng nhơn-dân đều bối-rối vì biết vua Hê-rốt đang tỏ lòng ganh-tị và sẽ làm hại nhiều người.

Câu 4—«**Đấng Christ phải sanh tại đâu.**» Vua Hê-rốt đã biết vua của dân Y-sơ-ra-ên sẽ là Đấng Christ.

Câu 5—«**Tại Bết-lê-hem, xứ Giu-đê.**» Khi Hê-rốt hỏi các thầy thông-giáo về Đấng Christ phải sanh tại đâu, thì họ trả lời liền và nói chắc-chắn.

Câu 6—«**Thật người chẳng phải kém gì các thành lớn của xứ Giu-đa.**» Nói cho rõ hơn, thì câu ấy có nghĩa là thành Bết-lê-hem có các quan không thua gì các quan trong những thành kia.

«**Là Đấng chăn dân Y - sô - ra - ên.**» Dùng chữ **chăn** mà nói về một vua thì phải lắm. Vua đang phải lo-lắng cho dân mình. Nhưng câu này nói về Đức Chúa Jê-sus là Vua sẽ chăn dân Đức Chúa Trời, làm cho chúng ta thỏa lòng lắm. Ngài thật là Vua, là Chúa của chúng ta, và Ngài cũng là Đấng chăn chiên đang giữ-gìn chúng ta nữa.

Câu 7—«**Vua Hê-rốt... hỏi kỹ-càng về ngôi sao đã hiện ra khi nào.**» Vua Hê-rốt hỏi kỹ-càng vì muốn biết rõ tuổi của Đấng sẽ làm Vua. Có lẽ họ nói rằng Con ấy chừng một tuổi. Nhưng cả ba bác-sĩ cũng không biết chắc được, vì họ không biết Ngài sinh ra khi họ vừa thấy ngôi sao hay là sau đó (2 : 16).

Câu 9—«**Kìa, ngôi sao... đi trước mặt.**»

Ban đầu ba bác-sĩ đã thấy ngôi sao ở phương đông, rồi đương khi đi đường, thì họ không thấy nữa. Nên đến khi lại được thấy ngôi sao, thì họ liền theo ngôi sao ấy mà đến nơi có Chúa Jê-sus và bà Ma-ri.

Câu 10—«**Mấy thầy... mừng-rỡ quá bội.**» Họ mừng-rỡ như vậy vì biết rằng Đức Chúa Trời dẫn-dắt mình đi.

Câu 11—«**Khi vào đến nhà.**» Ba bác-sĩ không đến thành Bết-lê-hem nhằm chính lúc Đức Chúa Jê-sus vừa sinh ra. Kinh-thánh không chép rằng ba bác-sĩ đã đến máng cỏ mà thăm Chúa, nhưng chép rằng họ đi vào nhà.

«**Bày của quý ra, dâng cho Ngài những lễ-vật.**» Những lễ-vật này cũng giúp cho ông Giô-sép và bà Ma-ri dùng làm lộ-phí mà xuống xứ Ê-díp-tô. Ba lễ-vật mà họ đã dâng cho Chúa thật quý-báu lắm (Xuất 30 : 23, 24 ; Nhã 3 : 6 ; Thi 45 : 8 ; Gi. 19 : 39).

ĐẠI-Y CỦA BÀI NÀY

Khi nghe Đức Chúa Jê-sus đã giảng-sanh rồi, thì loài người đối với Ngài thế nào? Ấy là lời hỏi mỗi người đã được nghe về Ngài.

Dầu Đức Chúa Jê-sus giảng-sanh trong máng cỏ, thật là hèn-hạ và cực-khổ, nhưng có sự vinh-hiễn của Đức Chúa Trời chói-rạng trên Ngài. Các thiên-sứ và ngôi sao cũng đã làm chứng về Ngài. Ba bác-sĩ cũng đã từ phương xa đem lễ-vật rất quý báu đến dâng cho Ngài. Vua Hê-rốt nghe về Ngài thì sợ-hãi, ba bác-sĩ thấy ngôi sao Ngài thì mừng-rỡ quá chừng. Hai hạng người ấy khác nhau như thế là vì ba bác-sĩ muốn thờ-lạy Ngài, còn vua Hê-rốt thì có lòng ganh-ghét. Vua ghét Ngài vì sợ mất ngôi của mình. Còn các thầy thông-giáo lúc ấy, thì chúng ta nghĩ thế nào về họ? Họ nghe các bác-sĩ nói về một ngôi sao chỉ về Đấng Mê-si đã đến, và họ cũng nói rằng theo lời Kinh-thánh, thì Ngài phải sanh tại Bết-lê-hem. Nhưng họ biết mà không đến tìm Ngài. Vì vậy, họ đã trở về nhà và cứ ăn-ở như lúc trước. Hôm nay chúng ta có nghe về Đức Chúa Jê-sus, là Cứu-Chúa. Chúng ta đối với Ngài thế nào? Có chịu hạ mình xuống mà thờ-phượng Ngài và tin-nhận Ngài làm Cứu-Chúa của mình không? Khốn-khổ thay cho ai đã nghe và biết về Ngài, song không chịu đến với Ngài!

LỜI HỎI :

1.—Đại-ý của sách Tin-lành Ma-thi-ơ, đoạn 1, là gì?

2.—Đại-ý của đoạn 2 là gì?

3.—Câu nào trong đoạn 2 chép về ba bác-sĩ đến thờ-lạy Đức Chúa Jê-sus?

4.—Hãy chỉ ra ba điều trong đoạn 1 và 2 tỏ ra Đức Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời?

5.—Bết-lê-hem có nghĩa gì? Bởi có nào đặt tên thành ấy như vậy?

6.—Vua Hê-rốt là một người thế nào? Ông có làm điều gì ác?

7.—Vì có nào chúng ta tưởng rằng ba bác-sĩ thuộc về dân ngoại?

8.—Ba bác-sĩ ấy có biết Đức Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời không?

9.—Vì có nào vua Hê-rốt và cả thành Giê-ru-sa-lem đều bội-rối?

10.—Suy-nghĩ rằng Đức Chúa Jê-sus «là Đấng chặn dân Y-sơ-ra-ên,» thì ta có sự thỏa lòng gì?

8 AVRIL, 1934

ĐỨC CHÚA JÊ-SUS CHỊU PHÉP BÁP-TÊM VÀ CHỊU CÁM-ĐỒ

(Ma-thi-ơ 3 : 13 - 4 : 11)

CÂU GỐC :—Nhơn đó, Ngài phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự

(Hê-bơ-rơ 2 : 17)

LỜI MỞ ĐÀNG

SÁCH Tin-lành Ma-thi-ơ, đoạn ba, chép về công-vụ của Giảng Báp-tít. Đức Chúa Trời đã chọn ông ấy để dọn đường cho Đức Chúa Jê-sus-Christ. Trong thời-đại ấy, dân Y-sơ-ra-ên có thói-quen làm phép báp-têm cho những người dân ngoại muốn nhập-tịch dân mình. Như vậy thì chính người Y-sơ-ra-ên không chịu phép ấy. Song vì dân ấy đã ngã lòng và không còn biết nhờ-cậy Chúa, nên Giảng Báp-tít đã kể họ cũng như dân ngoại ở trước mặt Đức Chúa Trời. Ông đã giảng và khuyên họ ăn-năn trở lại cùng Ngài. Đức Chúa Jê-sus cũng đã chịu phép báp-têm ấy nữa.

I.—Chúa Jê-sus chịu phép báp-têm

Trong những người đến cùng Giảng Báp-tít, cũng có Đức Chúa Jê-sus. Giảng không muốn làm phép báp-têm cho Ngài, nhưng Chúa đã ép ông ấy phải làm. Ngài phán rằng : «Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công-bình như vậy.»

Đức Chúa Jê-sus là Đấng vô-tội, làm sao Ngài phải chịu phép báp-têm? Nhưng Ngài đã gánh lấy tội-lỗi của cả thế-gian, và vì có tội của chúng ta, Ngài phải chịu phép đó. Phép báp-têm làm hình-bóng về Ngài sẽ chịu chết trên cây thập-tự. Sự Ngài đi ra khỏi nước làm hình-bóng về Ngài sống lại. Ngày sau, Giảng Báp-tít có chỉ Ngài và nói rằng : «Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội-lỗi thế-gian đi» (Gi. 1 : 29). Ngài đã chịu phép báp-têm để làm hình-bóng về Ngài

chết để gánh-vác mọi tội-lỗi của chúng ta. Ngài đi ra khỏi nước để làm hình-bóng về Ngài ban cho chúng ta sự sống mới. Về sau Ngài thật đã chịu chết và sống lại. Vì vậy nên sau khi Ngài chịu phép báp-têm và vừa ra khỏi nước, thì có tiếng từ trên trời phán rằng : «Đây là Con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng.» Đây, không phải chỉ một mình Đức Chúa Jê-sus đẹp lòng Đức Chúa Cha, nhưng hề ai tin-cậy Đức Chúa Jê-sus để được cứu, thì người ấy cũng đẹp lòng Đức Chúa Cha.

Sau khi chịu phép báp-têm bằng nước rồi, Đức Chúa Jê-sus cũng chịu phép báp-têm bằng Đức Thánh-Linh. Giảng đã nói rằng những kẻ nào công-nhận Ngài thì sẽ được phép báp-têm bằng Đức Thánh-Linh. Từ lúc có Đức Thánh-Linh, thì Đức Chúa Jê-sus khởi-sự làm chức-vụ. Từ lúc ấy Đức Thánh-Linh chẳng hề lìa khỏi Đức Chúa Jê-sus. Những công-vụ của Đức Chúa Jê-sus đương khi Ngài ở thế-gian đều bởi quyền-phép của Đức Thánh-Linh. Ngài thật là Con Đức Chúa Trời, song khi giáng-sanh, Ngài đã từ-bỏ hết vinh-hiến và quyền-phép để làm như một người. Bây giờ chúng ta phải noi gương Đức Chúa Jê-sus mà luôn luôn nhờ-cậy Đức Thánh-Linh để làm việc.

Đức Chúa Jê-sus không dám làm điều gì trước khi Ngài nhận-lãnh Đức Thánh-Linh ngự ở trong Ngài. Thật điều này có sự dạy-dỗ cho chúng ta nhiều lắm. Nếu chúng ta hầu việc Chúa, song chưa được nhận-lãnh Đức Thánh-Linh trong

lòng, thì công-việc mình sẽ không kết-quả.

II.—Đức Chúa Jêsus bị cám-dỗ

Có nhiều tin-dồ tưởng lầm rằng ai thánh-sạch thì không hề bị cám-dỗ. Trái lại, ma-quỉ sẽ theo mà cám-dỗ người ấy nhiều hơn.

Về sự cám-dỗ mà Đức Chúa Jêsus đã chịu đó, ta thấy Đức Thánh-Linh đã đưa Ngài đến cùng ma-quỉ. Đức Thánh-Linh là Đấng an-ủi, bao-phủ và giúp-đỡ những người theo Đức Chúa Trời. Song chính Ngài đã đưa Đức Chúa Jêsus vào đồng vắng để chịu ma-quỉ cám-dỗ. Vì có nào Đức Thánh-Linh đã bằng lòng để ma-quỉ cám-dỗ Đức Chúa Jêsus-Christ như vậy? Ấy vì Đức Chúa Jêsus từ trên trời giáng xuống đặng làm Đấng Cứu-thế, đặng phá quyền-phép của Sa-tan, là kẻ thù-nghịch cùng Đức Chúa Trời, đặng cứu loài người ra khỏi tội, nên Ngài phải đối mặt cùng quỉ Sa-tan, và phải toàn-thắng nó. Ngài phải để ma-quỉ thử sự thánh-sạch và sự công-bình của Ngài. Đức Chúa Trời không cần thử Con Ngài, nhưng ma-quỉ và loài người thường đòi thấy bằng-cớ về sự thánh-sạch và sự công-bình rồi mới chịu tin; bởi vậy, Ngài phải chịu cám-dỗ.

Lại nữa, Đức Chúa Jêsus chịu cám-dỗ đặng có thể cứu loài người trong khi họ bị cám-dỗ. Ngài thương-yêu loài người đến nỗi bằng lòng chịu làm giống như loài người trong mọi sự. Vì có ấy nên Ngài đã trải qua sự cám-dỗ, hầu cho có thể cảm-thương sự yếu-đuối của loài người.

III.—Cách Đức Chúa Jêsus bị cám-dỗ

Sự cám-dỗ thứ nhất mà Đức Chúa Jêsus phải chịu là thuộc về phần xác, và ma-quỉ cũng muốn làm cho đức-tin Ngài ra yếu-đuối. Khi Ngài đã không ăn gì trong 40 ngày, Sa-tan bèn đến và nói với Ngài rằng: «Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi.» Khi Đức Chúa Jêsus chịu phép báp-têm, Đức Chúa Trời đã phán rằng Đức Chúa Jêsus là Con yêu-dấu của Ngài. Nhưng khi Đức Chúa Jêsus đói lắm, thì ma-quỉ đến nói với Ngài rằng, nếu Ngài thật là Con Đức Chúa Trời, thì hãy tỏ quyền-phép Ngài ra bởi khiến những đá ấy trở nên bánh. Ma-quỉ thường nói như vậy luôn. Nó không muốn chúng ta tin đến Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Jêsus-Christ đã đến thế-gian

để đem hạnh-phước cho loài người. Trong sự hiện-thấy, ma-quỉ đã đem Chúa vào thành thánh, đặt Ngài trên đền-thờ, và khuyên Ngài gieo mình xuống. Đó là sự cám-dỗ thứ hai. Nó nói rằng: «Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời...Chúa sẽ truyền các thiên-sứ gìn-giữ người...» Nếu Đức Chúa Jêsus đã bằng lòng làm theo lời của ma-quỉ đó, thì ai nấy đều thấy và biết Ngài là một Đấng từ trời xuống để ban phước cho người ta, và họ sẽ đến mà tin Ngài đông lắm. Nhưng nếu Ngài làm vậy, thì không phải theo ý của Đức Chúa Trời, cho nên Ngài không chịu.

Lần thứ ba ma-quỉ thử Chúa, thì nó nói rằng nó sẽ để cho Chúa cai-trị cả thế-gian; như vậy, Ngài không cần phải chịu chết trên cây thập-tự để được quyền ấy. Thật Đức Chúa Jêsus đã đến để cai-trị thế-gian. Hiện nay Ngài cai-trị trong lòng người ta. Khi sau Ngài sẽ tái-lâm và sẽ cai-trị cả thế-gian. Ma-quỉ nói rằng: «Vi bằng người sắp mình trước mặt ta mà thờ-lạy, thì ta sẽ cho người hết thấy mọi sự này» (đó có nghĩa là sự cai-trị mọi nước trong thế-gian). Nhưng có lẽ chúng ta tự hỏi rằng: Ma-quỉ cai-trị như vậy thế nào được, vì các nước không thuộc về nó: Dầu nó không có nước nào, nhưng nó đương ở trong lòng mỗi người và xui họ theo ý-muốn tàn-ác của nó. Vậy, nó đương hết sức dùng người này, người nọ để cai-trị và làm cho thỏa lòng nó. Nếu Đức Chúa Jêsus chịu theo lời nó, thì nó sẽ để lại quyền ấy cho Ngài. Đấng Christ không chịu, song sau này Antichrist sẽ chịu để được quyền ấy. Đến khi sự ấy sẽ xảy ra, thì các việc tàn-ác, hung-dữ sẽ sanh ra đầy-dẫy trong thế-gian này. Tin-dồ Chúa còn muốn ở lại thế-gian trong lúc ấy không? Nếu không, thì hiện nay ta phải dâng trọn mình cho Chúa, hết lòng làm theo ý thánh của Ngài, để khi Ngài tái-lâm, ta được cất lên trời với Ngài.

IV.—Cách Chúa Jêsus thắng ma-quỉ

Đấng Christ thật là Đức Chúa Trời. Bởi quyền-phép Ngài, Ngài có thể đuổi ma-quỉ đi xa Ngài. Nhưng vì Ngài đã chịu lấy hình người và ở thế-gian, nên Ngài cần phải chịu cám-dỗ như người ta. Trước hết Ngài đã được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh, và Chúa phải nhờ Đức

Thánh-Linh cũng như tin-dồ ngày nay vậy. Và vì sự nhờ-cậy ấy, Ngài đã được thắng trận. Lại nữa, Đức Chúa Jê-sus luôn dùng lời Kinh-thánh để đáp lại ma-quỉ; Ngài đã biết hết, vì Ngài có đến đền-thờ và có học Kinh-thánh từ lúc còn nhỏ. Vậy, mỗi lần ma-quỉ cám-dỗ, thì Ngài dùng lời Kinh-thánh mà thắng nó luôn. Điều này tỏ cho chúng ta biết lời Chúa là linh-nghiệm và quan-hệ lắm.

V.—Các thiên-sứ hầu việc Ngài

Trong lúc Đức Chúa Jê-sus bị cám-dỗ, chắc các thiên-sứ đương ở gần Ngài và chờ-đợi cho qua thì-giờ đó đặng đến hầu việc Ngài. Như vậy, khi hết cơn cám-dỗ, tức-thì có các thiên-sứ đến hầu việc Ngài.

Đức Chúa Jê-sus không chịu lên nóc đền-thờ và gieo mình xuống, nhưng chẳng bao lâu danh-tiếng Ngài cũng được đồn ra khắp xứ Sy-ri (Ma 4:24). Lại nữa, Ngài không chịu nhận quyền cai-trị thế-gian mà ma-quỉ muốn cho Ngài. Song chẳng bao lâu nữa, Ngài cũng được quyền cao-cả ấy bởi Đức Chúa Trời ban cho. «Từ nay nước của thế-gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị-vì đời đời» (Khải 11:15).

Nếu chúng ta không chịu theo sự cám-dỗ của ma-quỉ, thì chúng ta cũng sẽ được phước. Hôm nay Đức Chúa Trời cũng đương lo-lắng cho các thánh-dồ của Ngài luôn.

ĐẠI-Y CỦA BÀI NÀY

Đấng Christ đã thắng ma-quỉ. Như vậy, kẻ thù-nghịch của chúng ta đã bị thua rồi. Thiệt ma-quỉ rất có quyền, nhưng so-sánh quyền ấy với quyền của Chúa, thì là như không mà thôi. Nhưng trong sự cám-dỗ của Đức Chúa Jê-sus, chúng ta cần phải biết rõ rằng, Ngài đương bị cám-dỗ cũng như một người, tức là như chúng ta hôm

nay vậy, và Ngài là một người biết nhờ-cậy Đức Thánh-Linh để được thắng trận. Chúng ta vẫn biết Đức Chúa Trời thật có quyền hơn ma-quỉ, nhưng có lời Kinh-thánh rất quý hơn nữa như vậy: «Vi Đấng ở trong các con là lớn hơn kẻ ở trong thế-gian» (I Giăng 4:4). Chúng ta được mạnh-mẽ đương khi mình biết nhờ-cậy Đức Chúa Jê-sus - Christ, là Đấng ở với mình. Chúng ta có thể tránh khỏi được hết mọi sự cám-dỗ (xem I Cô 10:13). Như vậy, chúng ta phải nhìn-xem Đức Chúa Jê-sus luôn luôn (Hê 12:2).

LỜI HỎI :

1.—Có ai nữa đã được thấy Đức Thánh-Linh lấy hình bò-câu giảng trên Đức Chúa Jê-sus khi Ngài đã chịu phép báp-têm không (Ma 3:16)?

2.—Sách Tin-lành theo thánh Lu-ca có nói thêm điều gì về Chúa Jê-sus chịu phép báp-têm (Lu 3:21)?

3.—Trong Ma-thi-ơ, đoạn 3, có hai điều gì tỏ ra Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời?

4.—Lời nào của Giăng tỏ ra rằng ông đã hiểu rõ lòng Người đến cùng ông?

5.—Vì có nào Đức Chúa Jê-sus muốn chịu phép báp-têm?

6.—Đức Chúa Jê-sus không có tội, có sao còn muốn chịu phép báp-têm?

7.—Sự chịu phép báp-têm của Đức Chúa Jê-sus làm hình-bóng về gì?

8.—Vì có nào Đức Chúa Jê-sus không bị ma-quỉ cám-dỗ trước khi Ngài nhận-lãnh Đức Thánh-Linh trong lòng?

9.—Trong khi Đức Chúa Jê-sus bị cám-dỗ, thì Ngài có phải nhờ Đức Thánh-Linh như chúng ta hôm nay phải nhờ không?

10.—Tin-dồ có chịu ma-quỉ cám-dỗ quá sức mình không? I Cô-rinh-tô 10:13 chép gì về sự ấy?

15 AVRIL, 1934

CHÚA JÊ-SUS KHỈ-SỰ LÀM CHỨC-VỤ

(Ma-thi-ơ 4:12-25)

CÂU GỐC:—Các người hãy ăn-năn, vì nước thiên-đàng đã đến gần

(Ma-thi-ơ 4:17)

LỜI MỞ ĐÀNG

TUẦN trước chúng ta đã học về Chúa Jê-sus chịu phép báp-têm bằng nước và bằng Đức Thánh-Linh. Sau đó, Ngài bị ma-quỉ cám-dỗ, nhưng Ngài đã thắng. Khi bị cám-dỗ, Ngài không vấp-phạm,

vì Ngài biết nhờ-cậy Đức Thánh-Linh. Vậy, Đức Chúa Jê-sus-Christ đã treo cho ta một gương rất sáng. Nhưng chúng ta phải biết chắc-chắn rằng nếu chúng ta biết nhờ-cậy Đức Thánh-Linh và cứ dùng lời Kinh-thánh, thì ta ắt cũng sẽ thắng

mọi sự cảm-dỗ. Sau khi đã thắng sự cảm-dỗ của ma-quỉ, thì Đức Chúa Jêsus khởi sự làm chức-vụ Ngài.

I.—Quê-hương mới của Đức Chúa Jêsus

«Ngài bỏ thành Na-xa-rét mà đến ở thành Ca-bê-na-um.» Nhiều lần Đức Chúa Jêsus phán rằng Ngài đến để làm theo ý của Đấng đã sai Ngài đến. Theo ý của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Jêsus phải dời chỗ ở mình. Ngài không lựa-chọn một nơi nào để ở theo ý-muốn Ngài. Sau khi Giô-sép đã đem bà Ma-ri ra khỏi xứ Ê-díp-tô, thì ông không trở về thành Bết-lê-hem nữa, song đến ở thành Na-xa-rét. Như vậy mới được ứng-nghiem lời mấy đấng tiên-tri đã nói rằng: «Người ta sẽ gọi Ngài là người Na-xa-rét.» Cũng vì có ấy nên Ngài đã dời chỗ ở trước khi khởi làm chức-vụ. «Ngài bỏ thành Na-xa-rét mà đến ở thành Ca-bê-na-um, gần mé biển,... để cho ứng-nghiem lời đấng tiên-tri Ê-sai đã nói.» Đức Chúa Jêsus đã theo trọn-vẹn ý thánh của Đức Chúa Trời, hướng chỉ chúng ta, là tin-đồ Ngài hôm nay, há lại không nên tìm ý của Đức Chúa Trời mà vâng-theo để được phước sao? Trong đời này, tin-đồ đáng phải tìm chỗ ở mà Chúa muốn mình ở. Chúng ta không nên theo ý riêng mình, nhưng phải tìm và theo ý Chúa mà thôi. Nếu tin-đồ hôm nay thật biết mình đương ở chỗ Chúa đã chọn cho, thì chắc được vui-vẻ và bình-yên lắm. Ai có như vậy, nấy đã có đức-tin và sự nhờ-cậy Chúa thật.

II.—Câu gốc thứ nhứt của Đức Chúa Jêsus

Đức Chúa Jêsus đã phán rằng: «Các người hãy ăn-năn, vì nước thiên-đàng đã đến gần.» Giảng Báp-tít cũng khuyên-dỗ họ phải ăn-năn. Chúng ta biết dân Y-sơ-ra-ên đều đã lìa-bỏ Đức Chúa Trời, và bấy giờ họ chỉ phải làm một điều, là sự ăn-năn tội. Nếu họ không bằng lòng ăn-năn thật, thì họ không thể rước Đấng Mê-si, hoặc được sự sống đời đời. Khuyên nhơn-dân ăn-năn, bỏ tội, đó là một vấn-đề rất cũ, nhưng đến hôm nay, trong đời này, cũng còn cần sự dạy-dỗ ấy lắm. Chỉ có người chịu xưng tội mình và ăn-năn lìa khỏi nó, thì mới được cứu ra khỏi tội.

Không phải Đức Chúa Jêsus chỉ khuyên họ ăn-năn rồi thôi, nhưng Ngài cũng phán

thêm: «Nước thiên-đàng đã đến gần.» Ngài là Đấng cai-trị trong nước ấy, và Ngài đã đến để lập nước ấy. Ai chịu dâng mình cho Ngài bây giờ, thì người ấy liền được Ngài cai-trị trong lòng. Thật hễ Jêsus ở đâu, thì thiên-đàng ở đó rồi. Nhưng một ngày kia, Đức Chúa Jêsus sẽ đến lập nước Ngài trên thế-gian này. Đã lâu lắm rồi, Hội-thánh cầu-xin luôn cho ý Ngài được nên ở đất như trời. Vậy, chúng ta ước-ao chẳng bao lâu Ngài sẽ đáp lại lời cầu-xin ấy.

III.—Chúa Jêsus kêu-gọi bốn môn-đồ

Xem sách Tin-lành Giảng, đoạn thứ nhứt, thì ta liền thấy chép về bốn môn-đồ này đã biết Đức Chúa Jêsus rồi. Họ đến đồng vãng đặng nghe lời giảng của Giảng, cũng như Đức Chúa Jêsus đã đến đó. Họ nghe Đức Chúa Jêsus giảng, và liền nhận Ngài là Đấng do Đức Chúa Trời sai đến. Bấy giờ họ tin lời phán của Ngài, nhưng chưa quyết-định lìa-bỏ mọi sự để theo Ngài. Vậy, hôm nay ta học về Đức Chúa Jêsus kêu-gọi bốn ông ấy bỏ hết mọi sự mình có mà theo Ngài. Ngài muốn họ nhứt-định từ ngày đó về sau chỉ ham hầu việc Đức Chúa Trời mà thôi. Đấng Christ đi dọc theo mé biển Ga-li-lê, thấy Si-môn với Anh-rê, em người, đương thả lưới dưới biển, vì hai người vốn làm nghề chài. Đức Chúa Jêsus đã lựa-chọn những người mắc việc, và Ngài sẽ giao việc quan-hệ hơn cho họ; như vậy, họ sẽ làm đầy-tớ cho Đấng Chí-cao. Đức Chúa Jêsus phán rằng: «Hãy theo ta, ta sẽ cho các người nên tay đánh lưới người.» Hai người liền bỏ chài-lưới mà theo Ngài. Chài-lưới tức là công-việc riêng của mỗi người. Ngày ấy họ đã vì có Đấng Christ mà bỏ hết mọi sự. Đức Chúa Trời không phán-dạy chúng ta phải bỏ mọi sự mà hầu việc Ngài; nhưng Ngài muốn mỗi tin-đồ dâng trọn mình cho Ngài, đến nỗi Ngài phán-dạy ta làm gì, thì ta lập-tức vui-vẻ vâng-theo.

Đức Chúa Jêsus cũng kêu-gọi Giảng và Gia-cô theo Ngài. Hai ông này không những bỏ việc riêng của mình, nhưng còn phải lìa-xa cha mẹ và bà-con mình nữa. Xê-bê-đê, cha hai ông, không nghèo, vì có mấy người làm mướn ở lại trong thuyền với mình. Đến khi Xê-bê-đê đã già rồi, thì cũng còn có người giúp việc trong nhà nữa.

Đời xưa, Đức Chúa Jêsus đã phán cùng

các ông chài-lưới thể nào, đời nay Ngài cũng phán với loài người thể ấy. Ngài không phán rằng: «Các người hãy theo ta, thì ta sẽ cho các người được sung-sướng.» Nhưng Ngài phán rằng: «Hãy theo ta, ta sẽ cho các người nên tay đánh lưới người.» Thật Đức Chúa Jê-sus đương phán lời ấy với môn-đồ hôm nay. Nguyên Chúa giúp chúng ta khi nghe mạng-lệnh Ngài, thì liền vâng theo để được phước!

IV.—Công-vụ của Đức Chúa Jê-sus

«Đức Chúa Jê-sus đi khắp xứ Ga-li-lê, dạy-đồ trong các nhà hội, giảng Tin-lành của nước Đức Chúa Trời, và chữa lành mọi thứ tật-bệnh trong dân. Vậy, danh-tiếng Ngài đồn ra khắp cả xứ Sy-ri.» Ngài dạy-đồ, giảng và chữa lành tật-bệnh. Thiên-hạ rất hoan-nghinh lời dạy-đồ của Ngài. Nhưng các thầy tế-lễ và các quan trong đời đó không chịu. Thật các người này đã mất phước lắm. Chúng ta hôm nay có tánh như các người ấy không? Ta bằng lòng tiếp-nhận lời phán-dạy của Ngài hay không?

ĐẠI-Ý CỦA BÀI NÀY

Đức Chúa Jê-sus làm một phép lạ khi Ngài khởi-sự làm chức-vụ Ngài (Gi. 2: 1-11). Thánh Ma-thi-ơ đã chép rằng Chúa đã làm công-việc cho được ứng-nghiem lời đấng tiên-tri đời xưa nói rằng, sẽ có một sự sáng lớn đến trong nơi tối-tăm, nghĩa là Cứu-

Chúa sẽ đến để cứu-chuộc tội-nhơn. Ngài đến để kêu-gọi tội-nhơn ăn-năn, theo Ngài, và trở nên người mới. Hôm nay Ngài cũng nói như vậy với loài người. Đời xưa Ngài đã kêu-gọi nhiều người hầu việc Ngài, hôm nay Ngài cũng kêu-gọi chúng ta để truyền đạo-lý Ngài khắp mọi nơi. Chúng ta đã làm bổn-phận mình chưa?

LỜI HỎI:

- 1.—Khúc nào trong sách chép về Phi-e-rơ và Anh-rê đã gặp Chúa rồi?
- 2.—Khi Chúa kêu-gọi họ theo Ngài, thì họ làm gì?
- 3.—Trong 12 Sứ-đồ, có mấy người làm nghề chài-lưới?
- 4.—Nghề chài-lưới có phải là nghề hèn-hạ không?
- 5.—Trong khi hầu việc Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jê-sus có theo ý riêng Ngài không?
- 6.—Vì có nào Ngài phải ở xứ Ê-díp-tô, ở thành Na-xa-rét, rồi tới thành Ca-bê-na-um nữa?
- 7.—Sứ-mạng thứ nhứt của Đức Chúa Jê-sus đã phán là gì?
- 8.—Nước thiên-đàng là gì?
- 9.—Bốn người thứ nhứt mà Đức Chúa Jê-sus đã kêu-gọi là ai?
- 10.—Trong khi hầu việc, Đức Chúa Jê-sus có làm ba điều gì?
- 11.—Ai đã hoan-nghinh lời giảng của Chúa, và ai không chịu nghe?

22 AVRIL, 1934

NHỮNG PHÉP-LUẬT CỦA NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

(Ma-thi-ơ 5: 1-12; 43-48)

CÂU GỐC:—Phước cho những kẻ có lòng trong-sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời
(Ma-thi-ơ 5: 8)

LỜI MỞ ĐÀNG

CÓ thể kêu núi Đức Chúa Jê-sus giảng bài này là núi Si-na-i của giao-ước mới. Núi của Đấng Mê-si đã thay cho núi Si-na-i rồi. Khi Đức Chúa Trời lấy tiếng của sấm-sét mà phán cùng người Y-sơ-ra-ên tại đỉnh núi Si-na-i, thì họ nài-xin Môi-se nói với họ, vì họ sợ Đức Chúa Trời. Bởi vậy, có lời hứa rằng: «Ta sẽ lập lên cho chúng một Đấng Tiên-tri như người,... thì Người sẽ nói cho chúng mọi điều ta phán-dẫn Người» (Phục 18: 18). Rồi sau Chúa phán rằng Ngài sẽ hạch người nào không chịu nghe lời đó. Vậy, sự dạy và sự học về bài giảng trên núi là một điều rất cần-yếu hẩn-hoi và vinh-hiễn.

Đức Chúa Jê-sus giảng bài giảng này để trả lời cho những người Y-sơ-ra-ên muốn hiểu rõ về những điều này: (a) Phép-luật của nước Đức Chúa Trời là thể nào? (b) Những người thuộc về nước Đức Chúa Trời là ai? (c) Vào nước Đức Chúa Trời thể nào? (d) Nước Đức Chúa Trời đối với luật-pháp Môi-se thể nào? Sự dạy-đồ thiêng-liêng trong bài giảng này là cao hơn những sự dạy-đồ trong Cựu-ước, song thua những ý sâu-xa và mầu-nhiệm trong những sách mà sau này Đức Thánh-Linh đã dùng mấy Sứ-đồ chép ra. Thí-dụ: Bài giảng này không nói về danh của Đức Chúa Jê-sus, về Ngài đương làm Đấng Trung-bảo giữa loài người và

Đức Chúa Trời: cũng không nói đến công-vụ của Đức Thánh-Linh trong thời-đại này chút nào.

Bài giảng này là lời phán của Đức Chúa Jê-sus, là Con của Đa-vít và là Vua; bài giảng này chỉ về sự thay-đổi thời-đại, tức là thời-đại luật-pháp đã hết, và thời-đại ân-diễn bắt đầu. Trong pháp-luật mới này có dạy về mười điều.

I.—Tánh-nết

Đức Chúa Jê-sus không nói về những công-việc của chúng ta, song nói về tánh-nết. Tánh-nết mà Ngài cắt nghĩa ở đây khác hẳn những tánh-nết toàn-bảo được vẽ ra trong Cựu-uớc. Tám phước lành vì như tám bậc tổ ra một tánh-nết tốt. Có bốn bậc đi xuống và bốn bậc đi lên. Bốn bậc đi xuống là: (a) «Phước cho những kẻ có lòng khó-khăn...» tức là kẻ thấy mình yếu đuối, bất-toàn, nên không được thỏa lòng chi hết! Câu này như cái chìa-khóa của cả bài giảng này. (b) «Phước cho những kẻ than khóc!...» Ấy chẳng phải sự than-khóc của những người tiếc cuộc vui-chơi của đời này, bèn là sự than-khóc thiêng-liêng, như Thánh Phi-e-rơ đã than-khóc vì đã chối Chúa (xem Lu 7: 36-38 và II Cô 7: 11). (c) «Phước cho những kẻ nhu-mi!...» Nhu-mi đây không có nghĩa là yếu-đuối hoặc nhát gan dẫu; trái lại, người thật nhu-mi thì đã ra trận và thắng được kẻ thù-nghịch rất mạnh-mẽ, tức là chinh mình, đến nỗi khi bị người ta nhạo báng, thì không thêm đáp lại. (d) Phước cho những kẻ đói-khát sự công-bình!... Những kẻ này nói rằng: «Thật tôi là một người công-bình và thiêng-liêng còn hơn là một người giàu, sang và được lòng dân» Nguyên Chúa cho chúng tôi «đói-khát sự công-bình vì sẽ được no đủ!»

Về sự đi lên, thì cũng có bốn bậc. (a) Bậc thứ nhất là: «Phước cho những kẻ hay thương-xót!...» Nghĩa là chúng ta hãy lấy con mắt thương-xót của Chúa mà xem mọi người, hoặc là người thương-yêu mình hay người ghét bỏ mình cũng vậy. Có tin-đồ kia ghét kẻ lân-cận mình, nên câu-nguyên như vậy: «Xin Chúa đuổi người ác này đi chỗ khác.» Nhưng Chúa đã trả lời và hỏi: «Người ác nào?» Nghĩa là chính người đương câu-nguyên đó là người ác! (b) Sự yêu-thương

người và sự yêu-thương Chúa, hai điều này gần nhau lắm, nên bậc lên thứ nhì là: «Phước cho những kẻ có lòng trong-sạch!...» Người nào có lòng trong-sạch, thì chỉ có một mục-đích, là trong đời này cố làm cho đẹp lòng và sáng danh Chúa. Lòng trong-sạch thường thấy được rõ những lẽ thật thiêng-liêng, còn tội-lỗi thì thường làm cho tấm lòng mờ-tối. (c) Bậc thứ ba nói về «kẻ làm cho người hòa-thuận...» Chẳng những là hòa-thuận với nhau mà thôi, mà cũng hòa-thuận lại với Đức Chúa Trời nữa (xem II Cô 5: 19, 20). (d) Sau hết, tin-đồ nhận-lãnh nhiều hạnh-phước nếu «chịu bắt-bớ vì sự công-bình.» Người nào có Đức Chúa Jê-sus trong lòng, thì phải vác thập-tự-giá của Ngài luôn. «Các người sẽ có sự hoạn-nan trong thế-gian, nhưng hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế-gian rồi» (Gi. 16: 33).

II.—Ảnh-hưởng

Tánh-nết tốt không phải chỉ là một hạnh-phước lớn cho mình, nhưng bởi ảnh-hưởng, nó cũng đem hạnh-phước cho nhiều người khác nữa. Câu 13-16 có chép hai chất dạy-dỗ về ảnh-hưởng ấy, tức là muối và sự sáng. Muối làm hình-bóng về ảnh-hưởng mà người ta không hay, vì người ta không thể thấy nó làm việc. Dầu vậy, nó đã được rải khắp mọi nơi để giữ cho xã-hội khỏi hóa ra hư-xấu. Một phần lớn của ảnh-hưởng chúng ta là như thế, và nhờ nó mà gia-đình, Hội-thánh và xã-hội được hiệp một và tảo-bộ. Sự tin-kính thật tức là muối, và ấy là tại những thánh-đồ mà Đức Chúa Trời còn nhìn-nhục, chưa hủy-phá cả thế-gian tội-ác này.

Có một thứ ảnh-hưởng chắc-chắn nữa, nó đi rất xa để ban phước cho nhiều người, tức là sự sáng. Chúa biểu chúng ta phải để cho sự sáng mình soi ra trước mặt người ta. Mà nếu họ thấy việc lành của chúng ta và chỉ ngợi-khen chúng ta, thì sự sáng ấy trở nên sự tối-tăm mờ-ám mà thôi. Nguyên Chúa cho chúng ta cứ có ảnh-hưởng để làm vinh-hiến danh thánh của Ngài!

III.—Sự công-bình

Từ câu 17 đến câu 37, Chúa dạy về sự công-bình của nước Đức Chúa Trời rằng: Sự công-bình ấy phải trọn-vẹn hơn sự công-bình của luật-pháp, vì Đức Chúa Jê-sus đã

đến chẳng phải dễ phá luật-pháp, song dễ làm trọn. Sự công-bình này cũng phải trọn- vẹn hơn sự công-bình của người Pha-ri-si và của các thầy thông-giáo. (Chúng ta nên biết rằng sự công-bình của họ là nhất-nhiệm lắm.) Cần nhứt là sự công-bình này phải từ tấm lòng mà ra, và phải cai-trị những mưu-định kin-nhiệm của linh-hồn. Chúa kể người ghét anh em mình là kẻ giết người, và kẻ ngó đờn-bà mà động tình tham-muốn là đã phạm tội tà-dâm rồi. Sự sáng thánh-khiết này tỏ rõ rằng bỗn-tánh loài người chỉ là xấu-xa, ô-uế, và «mọi việc công-bình của chúng tôi như áo nhóp» (Ê-sai 64 : 6).

IV.—Yêu-thương

Mười câu chót trong đoạn 5 dạy về một bậc thiêng-liêng cao-trọng và trọn- vẹn lắm, đến nỗi trong cả Cựu- ước không có bậc nào bằng. Đây dạy về một sự yêu-thương chẳng những ban phước cho những kẻ lân-cận, song cũng muốn ban phước cho những kẻ thù-nghịch nữa. Chúng ta đáng có tấm lòng tốt-lành, nhơn-tử và rộng-rãi như Cha trên trời, là Đấng «khiến mặt trời mọc lên soi kẻ giữ cùng kẻ lành.» Trong cả luật-pháp của Môi-se chẳng có sự dạy-dỗ nào về tánh-nết cho cao-trọng bằng câu 44 này: «Song ta nói cùng các người rằng: Hãy yêu kẻ thù-nghịch, và cầu-nguyện cho kẻ bắt-bớ các người.» Người nào làm như thế chẳng những tỏ ra mình có sự công-bình mà thôi, song cũng tỏ ra sự yêu-thương thật từ Chúa mà đến vậy.

ĐẠI-Y CỦA BÀI NÀY

Một người kia nói với ông Mục-sư *Scotfield* như vậy: «Làm lành là một điều dễ lắm.» Ông *Scotfield* hỏi: «Ông có thử ăn-ở nhu-mi chưa?» Người kia trả lời: «Chưa. Tôi không ưa những người nhu-mi gì hết.»— «Ừ! Sao vậy? Đức Chúa Trời thương những người nhu-mi. Chính Con của Ngài là nhu-mi và khiêm-nhường. Nếu bắt đầu từ hôm nay ông quyết-định thương-yêu hết thấy mọi người, bất luận là người thương mình, hay là ghét mình và bắt-bớ mình, thì ông tưởng có dễ làm không?»

Người kia trả lời: «Không được đâu, vì theo lẽ tự-nhiên thì tôi phải trả oán chớ!»

«Tự-nhiên» mỗi người chúng ta đây cũng làm vậy chớ, vì sự sống của xác-thịt này chưa có sự yêu-thương đủ; nếu chúng ta muốn yêu-thương được kẻ thù-nghịch mình, thì chúng ta phải sanh lại làm người mới trước đã. Nói tắt một lời, bài giảng trên núi biển chúng ta phải giống như Đấng Christ. Bài giảng đó dạy chúng ta phải có lòng trong-sạch, song chúng ta thấy lòng mình chưa trong-sạch. Các phước lành này mở cửa nước Đức Chúa Trời, hay là đóng lại? Nhạo-báng, cười-chê chúng ta, hay là mời chúng ta vào nước ấy? Cảm ơn Chúa, phước lành thứ nhứt đã mở cửa nước ấy cho mỗi người bằng lòng hạ mình xuống mà vào: «Phước cho những kẻ có lòng khó-khăn!» Ai chịu nhìn-biết tội-lỗi của mình, nấy mới là người có lòng khó-khăn và mới đến thập-tự-giá để được cứu-rỗi.

LỜI HỎI:

- 1.—Chúa giảng bài trên núi cho ai?
- 2.—Khi Đức Chúa Jêsus phán - biểu chúng ta phải đưa má bên kia cho họ vả, thì Ngài muốn chúng ta vâng lời và làm theo đúng như thế, hay là Ngài nói bóng về điều chi khác?
- 3.—Người có lòng khó-khăn là ai?
- 4.—Sự yêu-thương kẻ thù-nghịch là thứ yêu-thương nào?
- 5.—Chữ «trọn- vẹn» trong Ma-thi-ơ 5 : 48 có nghĩa gì?
- 6.—Trong Cựu- ước có điều-răn nào dạy nghĩa thiêng-liêng về sự giết người, sự trộm-cướp, sự tà-dâm, sự nói dối và sự tham-lam? Có điều-răn nào của Đức Chúa Jêsus lại còn cao hơn nữa?
- 7.—Bài giảng trên núi có sửa lại ý-tưởng của môn- đồ đối với nước Đức Chúa Trời thế nào?
- 8.—Có chữ nào trong Ma-thi-ơ, đoạn 5, làm chia-khóa cho cả bài giảng này?
- 9.—Sách Ma-thi-ơ và sách Lu-ca đều chép về bài giảng này; hai sự chép ấy có khác nhau và có giống nhau thế nào?



TÌM-KIẾM NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI TRƯỚC HẾT

(Ma-thi-ơ 6 : 19-33)

CÂU GỐC:—Nhưng trước hết, hãy tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công-bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa

(Ma-thi-ơ 6 : 33)

LỜI MỞ ĐÀNG

KHÍ Đức Chúa Jêsus mới chọn mười hai Sứ-dò, nhằm năm 28 sau Chúa giáng-sanh, thì Ngài có giảng bài giảng tại trên núi, tức là chừng sáu tháng sau khi Ngài khởi-sự làm chức-vụ tại xứ Ga-li-lê (Lu-ca 6 : 12-20).

Trong bài học này, Đức Chúa Jêsus muốn dạy-dỗ chúng ta về cách xử-trí với phần vật-chất: Ngài khuyên chúng ta phải cần-thận coi chừng chước cám-dỗ người giàu-có, tức là sự tham-lam, cùng chước cám-dỗ người nghèo-khổ, tức là sự lo-lắng quá bội.

Bài học tuần rồi dạy về bài giảng của Chúa tại trên núi; Ngài tỏ mười điều trong phép-luật của nước Đức Chúa Trời. Và trong bài đó chúng ta đã học bốn điều rồi, tức là: (1) Tánh-nết; (2) Ảnh-hưởng; (3) Sự công-bình; (4) Sự yêu-thương. Bài học hôm nay nói tiếp về sáu điều còn lại.

I.—Sự thật tình (Ma 6 : 1-16)

Những công-đức, những sự bố-thí, cầu-nguyện và kiêng ăn, thì ta phải làm trước mặt Chúa, chớ không phải trước mặt loài người. Nếu chúng ta làm những điều đó để được tiếng khen của loài người, thì không thể nào được những phần thưởng cao-qui từ nơi Đức Chúa Trời. «Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi.» Những Sê-ra-phim chẳng những che mặt mà thôi, mà cũng che chơn nữa (Ê-sai 6 : 2). Vậy, nếu chúng ta muốn hầu việc Chúa cách trọn-vẹn, đẹp lòng Ngài, thì phải nhìn-xem Ngài và hết sức làm vinh-hiến danh Ngài, đến nỗi quên mình đi.

II.—Trung-tín (Ma-thi-ơ 6 : 19-24)

«Các người chớ chứa của-cải ở dưới đất...» Câu này không có nghĩa là mình đừng làm việc để được tiền-bạc, và đừng gởi tiền-bạc trong các ngân-hàng, song biểu chúng ta đừng để cho của-cải mình trở nên hình-tượng mà thờ-lạy. Của-cải đây chẳng những là phần vật-chất, nhưng cũng là điều mà chúng ta ưa-thích hơn hết và sợ nó mất đi, điều mà tâm-trí, tư-

tưởng và ý-muốn của chúng ta cũng chăm-chú vào. «Vi chúng của-cải người ở đâu, thì lòng người cũng ở đó.» Nếu ta thấy một xe chở hàng-hóa đậu lại tại nhà nào, và thấy họ khuôn hàng-hóa vào nhà đó, thì ta biết rằng có người chủ đi theo, và một lúc sau sẽ thấy người chủ vào nhà đó. Lòng chúng ta ham-muốn điều gì, thì tánh-nết chúng ta sẽ giống điều ấy. Nếu ta ham quyền-thế, thì sẽ trở nên người dữ-tợn; nếu ta ham tiền-bạc, thì sẽ trở nên người ích-kỷ; nếu ta suy-nghĩ luôn về tình-dục, thì sẽ trở nên người buông-tuồng; nếu ta ham sự học-thức quá lẽ, thì sẽ trở nên người kiêu-ngao. Song nếu ta ưa-thích Đức Chúa Jêsus và các hạnh-phước của Ngài, thì ta chắc sẽ nên giống như Ngài.

III.—Đức-tin (Ma-thi-ơ 6 : 24-34)

«Các người không có thể làm tôi Đức Chúa Trời lại làm tôi Ma-môn nữa.» Chữ «Ma-môn» là một chữ *Araméen* có nghĩa là «của-cải.» Trước sau chúng ta phải chọn Đức Chúa Trời hay là Ma-môn, phải theo thiêng-liêng hay là tài-vật. «Vậy nên... đừng vì sự sống mình mà lo đồ ăn-uống... đừng lo đồ mặc.» Hai chữ «vậy nên» tiếp với câu trước và dạy rằng sự lo-sợ là tội-lỗi lớn bằng sự thờ-lạy Ma-môn. Nếu chúng ta không muốn giống như đời này, thì không nên ưa những điều nào mà người đời này ưa-thích, và cũng không nên sợ những điều mà họ sợ nữa.

Vì cớ nào chúng ta không nên lo-sợ? (1) Vì là một tội nặng. Ông Wesley đã nói rằng: «Tôi lo-sợ nặng bằng tội rửa-sả, vì người nào lo-sợ, thì đã hồ-nghi Đức Chúa Trời hằng sống của chúng ta, là Đấng yêu-thương.» (2) Vì là một điều vô-ích và không giúp-đỡ chúng ta chút nào hết. (3) Vì là một điều vô-lý. Phần nhiều những tai-nạn mà ta đương lo-sợ thì không khi nào xảy đến cho mình đâu. Một người lính đi đánh giặc về, có kể đến hỏi và rằng và thấy đều chỉ là hơn hết ở nơi chiến-trường? Người lính đáp rằng: «Đều là hơn hết là tôi thấy họ có

bắn trái phá đến phía tôi nhiều lắm, song không có một trái nào đụng nhằm tôi. (4) Vì người nào lo-sợ thì mất sức nhiều. Chắc chúng ta sẽ gặp nhiều sự khó khăn, cực-khổ, song Đức Chúa Trời đã bày một cách để lo về những sự đó; ấy là sự cầu-nguyện (Phil. 4:6).

«Nhưng trước hết, hãy tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công-bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa.» Elisabeth, nữ-vương nước Anh, muốn sai một nhà thương-mại đi làm một việc cho bà; người đó sợ nếu đi, thì việc buôn-bán của mình phải bị khánh-tận. Song nữ-vương trả lời rằng: «Đừng sợ chi hết. Nếu người lo cho ta, thì ta sẽ lo việc cho người.» Vậy, khi người đi và trở về, thì thấy sự buôn-bán của mình tấn-bộ lắm. Cũng vậy, nay chúng ta bằng lòng lo việc của Chúa, thì chắc Ngài sẽ lo-liệu mọi việc của chúng ta.

IV.—Nhơn-ái (Ma-thi-ơ 7:1-5)

Ở đây Đức Chúa Jêsus muốn quở-trách những người Pha-ri-si, và các thầy thông-giáo, vì họ là người gắt-gao và hay đoán-xét quá. Khi Ngài tái-lâm, thì các thánh-đồ sẽ đoán-xét thế-gian và thiên-sứ (I Cô 6:2, 3), song bây giờ Chúa biểu chúng ta đừng đoán-xét ai. Chúng ta nhìn-biết mình yếu-đuối lắm. Nền nếu ta đề nhiều thì-giờ mà đoán-xét chính mình, thì sẽ không còn thì-giờ mà đoán-xét anh em khác.

V.—Cầu-nguyện (Ma 6:9-13; 7:7-11).

VI.—Thế nào biết tánh-nết tốt?

Sau hết Chúa thử chúng ta dặng biết chúng ta có tánh-nết tốt hay không.

1.—Ngài thử chúng ta về cách ăn-ở. «Ấy vậy, hễ đến chi mà các người muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ.»

2.—Ngài cho chúng ta thi về kết-quả thiêng-liêng. «Các người nhờ những trái nó mà nhận-biết được.» Nếu dùng dấu đó mà lường, thì không khi nào bị tiên-tri giả lừa-gạt.

3.—Ngài thử về sự vâng lời (7:21).

Sự dạy-dỗ trong bài giảng tại trên núi đã dẫn-dắt chúng ta đến thập-tự-giá, rồi nhờ Đức Thánh-Linh, chúng ta sẽ có thể làm trọn những điều Đức Chúa Jêsus đã phán-dạy.

ĐẠI-Y CỦA BÀI NÀY

Của-cải ở dưới đất này chỉ là của tạm-thời mà thôi; nó không còn lại chắc-chắn, không làm cho chủ nó được thỏa lòng, và kỳ-thiệt nó không thuộc về chúng ta. Nhưng của-cải trên trời thiệt chắc-chắn và còn lại đời đời. Nó thiệt thuộc về chúng ta, cho chúng ta được thỏa lòng lắm. Lễ thật này của bài giảng tại trên núi trái hẳn ý của loài người, vì họ tưởng của-cải mà mình thấy được mới là hữu-vật chắc-chắn, còn đều mình không thấy được, thì biết có hay không mà dám nói là chắc-chắn. Các con-cái của đời này muốn nhờ những điều tạm để được thỏa lòng. Mà kỳ-thiệt họ có được thỏa lòng đâu! Phần của họ là «sự lo-lắng về đời này, và sự mê-dắm về của-cải.» Song con-cái của Chúa thiệt được thỏa lòng, vì được giao-thông với Chúa; còn về phần vật-chất, thì họ có «sự bình-an của Đức Trời vượt quá mọi sự hiểu-biết...» (Phil. 4:7). Những người chứa của-cải ở dưới đất này đều trở nên tôi-mọi của chúa đời này. Còn những người tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời, thì tìm chính mình Đức Chúa Jêsus-Christ, và ở trong Ngài, thì chúng ta có mọi thứ của-cải (Rô 8:32; Cô 2:3; Êph. 3:8),

LỜI HỎI:

1.—Chữ «sáng-sủa» trong Ma-thi-ơ 6:22 có nghĩa gì?

2.—Đức Chúa Jêsus đã dùng thí-dụ nào để dạy-dỗ về sự không nên lo-sợ?

3.—«Mọi điều ấy» trong Ma-thi-ơ 6:33 có chỉ về mọi điều chúng ta muốn được chăng?

4.—Muốn khỏi lo-sợ, ta phải làm gì?

5.—Có sự dạy-dỗ nào trong sách Gia-cơ hiệp với bài giảng trên núi?

6.—Vi có nào Chúa biểu chúng ta đừng dùng những lời lặp vô-ích?

7.—Trong bài giảng trên núi, có sự dạy-dỗ nào quan-hệ đến đời sống của chúng ta bây giờ?

8.—Có sự dạy-dỗ nào khác về sự chứa của-cải ở dưới đất hoặc ở trên trời không?

9.—Thánh Phao-lô có chép câu nào về sự tạm-thời và sự đời đời?

10.—Hội-thánh nên thường cầu-nguyện theo bài cầu-nguyện của Chúa dạy trong Ma-thi-ơ đoạn 6 không?